

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

AEC: Cộng đồng Kinh tế ASEAN

CPTPP: Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

FTA: Hiệp định thương mại tự do

TPP: Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương

VCCI: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Tr
ng
i h C Kinh t Hu

PHẦN I: MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình phát triển tất yếu, đã và đang là xu thế lớn của thế giới hiện đại. Đại hội lần thứ VI (1986) của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới và "mở cửa" nền kinh tế, mở đầu cho thời kỳ đổi mới đất nước trong bối cảnh quốc tế có nhiều thay đổi sâu sắc. Đây cũng là dấu mốc quan trọng bước đầu đối với chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế với phương châm đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Mới đây nhất, ngày 5/11/2016, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới. Nghị quyết 06-NQ/TW xác định hội nhập kinh tế quốc tế là trọng tâm của hội nhập quốc tế, là sự nghiệp của toàn dân; doanh nhân, doanh nghiệp, đội ngũ tri thức là lực lượng đi đầu...

Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong hơn 30 năm qua đã đạt được nhiều thành công có ý nghĩa lịch sử, tạo tiền đề và động lực để Việt Nam bước vào hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và phát triển mạnh mẽ hơn, toàn diện hơn. Hội nhập kinh tế quốc tế với những nỗ lực cải cách môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế đang từng bước đưa Việt Nam khẳng định được vị thế trên trường quốc tế và trong mắt các nhà đầu tư.

Báo cáo Môi trường kinh doanh 2018 do Ngân hàng Thế giới công bố dự báo Việt Nam đứng thứ 68/190 nền kinh tế, tăng 15 bậc so với năm 2017. Tính đến nay, Việt Nam đã phê chuẩn 10 FTA song phương và đa phương với các đối tác trong khu vực và trên thế giới. Việt Nam cũng đã cơ bản kết thúc đàm phán FTA với Châu Âu. Riêng hai thỏa thuận thương mại tự do thế hệ mới, FTA Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA) và Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), được nhận định là rộng lớn nhất mà Việt Nam từng tham gia. Và mới đây nhất, ngày 12-11-2018, Quốc hội đã phê chuẩn và biểu quyết thông qua Việt Nam chính thức gia nhập Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) gồm tất cả 11 quốc gia thành viên. Việc Việt Nam gia nhập CPTPP sẽ thúc đẩy nhanh hơn tốc độ hoàn thiện

thể chế kinh tế thị trường, tuy nhiên doanh nghiệp Việt Nam sẽ gặp thách thức nhất định, đòi hỏi doanh nghiệp phải tự nâng cao năng lực cạnh tranh.

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới, doanh nghiệp và Chính phủ Việt Nam đang đứng trước nhiều thách thức, nhưng dường như sự chuẩn bị của các doanh nghiệp hiện tại là chưa xứng tầm. Điển hình là mặc dù việc nắm bắt thông tin là vô cùng quan trọng, nhiều doanh nghiệp - đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa - chưa được trang bị đầy đủ hoặc ít khả năng tiếp cận thông tin cơ bản về các hiệp định thương mại tự do. Hậu quả là doanh nghiệp không tận dụng được lợi ích từ FTA. Kết quả của một cuộc khảo sát đầu năm 2015 của VCCI cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp Việt hiểu và sẵn sàng cho các sân chơi như TPP, AEC chỉ khoảng 20 - 30%. Đáng lo ngại hơn, có tới 60 - 70% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng các hiệp định này không mấy ảnh hưởng đến họ. Do đó, các doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động thay đổi để nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức là yêu cầu cấp thiết, nhằm đạt được lợi ích thực sự mà quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mang lại. Nhiều chuyên gia kinh tế đồng tình và cho rằng, không ai khác, chính đội ngũ doanh nhân và doanh nghiệp Việt Nam gánh trọng trách đi tiên phong thực hiện hóa quá trình hội nhập và gặt hái lợi ích từ hội nhập. Để đạt được điều đó, quan trọng nhất vẫn là nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về hội nhập kinh tế quốc tế, từ đó doanh nghiệp, doanh nhân mới chủ động, tự tin hội nhập.

Trên thế giới, đã có một số nghiên cứu khảo sát về nhận thức của doanh nghiệp về hội nhập kinh tế quốc tế, tuy nhiên, ở nước ta có rất ít nghiên cứu về vấn đề này, ở tỉnh Thừa Thiên Huế thì chưa có đề tài nào nghiên cứu. Là một tỉnh thuộc duyên hải miền trung, với đặc điểm kinh tế xã hội có nhiều nét riêng biệt, doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm tỷ lệ khá cao, việc khảo sát nhận thức của doanh nghiệp về cơ hội và thách thức khi hội nhập kinh tế quốc tế là quan trọng để có thể đưa ra cơ sở dữ liệu khách quan và khoa học nhằm giúp các nhà hoạch định chính sách, cộng đồng doanh nghiệp và các chủ thể liên quan có thêm góc nhìn về nhận thức hội nhập kinh tế quốc tế ở tỉnh Thừa Thiên Huế. Điều này còn góp phần thúc đẩy doanh nghiệp tìm hiểu về hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là chuẩn bị và hoàn thiện mình để thành công trước những cơ hội và thách thức mang tính khu vực và toàn cầu. Từ thực tế trên, cộng với việc tiếp thu các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước, tôi mạnh dạn đưa ra đề tài nghiên

cứu: **"Đánh giá nhận thức của doanh nghiệp xuất nhập khẩu ở tỉnh Thừa Thiên Huế về cơ hội và thách thức sau khi gia nhập CPTPP"**.

2. Mục tiêu nghiên cứu

*** Mục tiêu tổng quát**

Nghiên cứu này nhằm mục tiêu đánh giá nhận thức của doanh nghiệp xuất nhập khẩu ở tỉnh Thừa Thiên Huế về cơ hội và thách thức sau khi gia nhập CPTPP

*** Mục tiêu cụ thể**

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về hội nhập kinh tế quốc tế và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)

- Đánh giá nhận thức, sự hiểu biết của doanh nghiệp xuất nhập khẩu hoạt động trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế về cơ hội và thách thức sau khi gia nhập CPTPP

- Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu ở tỉnh Thừa Thiên Huế về CPTPP trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

*** Đối tượng nghiên cứu**

Nhận thức của doanh nghiệp xuất nhập khẩu ở tỉnh Thừa Thiên Huế về cơ hội và thách thức sau khi gia nhập CPTPP

*** Phạm vi nghiên cứu**

Về không gian: nghiên cứu được thực hiện trong phạm vi tỉnh Thừa Thiên Huế

Về thời gian: Đề tài được thực hiện từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2019.

Số liệu sơ cấp được điều tra từ tháng 7 đến tháng 10 năm 2019

4. Phương pháp nghiên cứu

*** Phương pháp định tính:** Nghiên cứu đã sử dụng nhiều kỹ thuật nghiên cứu định tính nhằm góp phần làm rõ vấn đề nghiên cứu trước khi tiến hành nghiên cứu định lượng. Các kỹ thuật nghiên cứu định tính được sử dụng trong nghiên cứu này gồm:

+Phương pháp duy vật biện chứng: làm cơ sở hệ thống hóa các vấn đề lý luận của đề tài nghiên cứu

+ Phương pháp thu thập, tổng hợp thông tin

+ Phương pháp xây dựng bảng hỏi: bảng hỏi được xây dựng, thiết kế với nhiều câu hỏi nhỏ và câu hỏi mở.

+ Phương pháp chuyên gia: được sử dụng để bổ sung, loại bỏ hay điều chỉnh các câu hỏi đã đưa ra để áp dụng phù hợp nhất vào thực trạng của tỉnh Thừa Thiên Huế.

* **Phương pháp định lượng:** Sử dụng phương pháp định lượng để có cơ sở đưa ra kết luận chính xác về nhận thức của doanh nghiệp xuất nhập khẩu ở tỉnh Thừa Thiên Huế về cơ hội và thách thức sau khi gia nhập CPTPP, từ đó đề xuất các định hướng và giải pháp phù hợp.

+ Phương pháp xử lý số liệu thứ cấp: Sau khi thu thập các thông tin về CPTPP và các thông tin liên quan đến quá trình nghiên cứu tham khảo từ website, sách, báo, tạp chí, các đề tài, nghiên cứu liên quan; tiến hành phân tích, so sánh để nhận xét thực trạng.

+ Phương pháp thu thập và xử lý số liệu sơ cấp:

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên thuận tiện, đối tượng nghiên cứu là các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Kế thừa các nghiên cứu trong và ngoài nước, mẫu bảng hỏi được thiết kế bao gồm nhiều câu hỏi nhỏ và câu hỏi mở, nhằm phân tích, đánh giá nhận thức của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn về cơ hội và thách thức sau khi gia nhập CPTPP.

Sử dụng phương pháp thống kê mô tả để nghiên cứu nhận thức về “cơ hội” và “thách thức” nhằm đưa ra các giải pháp nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu ở tỉnh Thừa Thiên Huế về CPTPP.

5. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, nội dung chính của đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở khoa học về nhận thức của doanh nghiệp về cơ hội và thách thức sau khi gia nhập Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)

Chương 2: Đánh giá nhận thức của doanh nghiệp xuất nhập khẩu ở tỉnh Thừa Thiên Huế về cơ hội và thách thức sau khi gia nhập CPTPP

Chương 3: Giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của doanh nghiệp xuất nhập khẩu ở tỉnh Thừa Thiên Huế về cơ hội và thách thức sau khi gia nhập CPTPP

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU
CHƯƠNG I: CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ NHẬN THỨC CỦA DOANH NGHIỆP
VỀ CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC SAU KHI GIA NHẬP HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC
TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (CPTPP)

1.1. Khái quát về Hiệp Định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)

1.1.1. Khái niệm

CPTPP là tên viết tắt của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (Comprehensive and Progressive Trans-Pacific Partnership). Đây là Hiệp định tiếp nối của Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP), sau khi Hoa Kỳ rút khỏi TPP.

CPTPP bao gồm 11 thành viên là Canada, Mexico, Peru, Chile, New Zealand, Úc, Nhật Bản, Singapore, Brunei, Malaysia và Việt Nam.

Từ TPP đến CPTPP TPP là Hiệp định thương mại tự do (FTA) được đàm phán từ tháng 3/2010, bao gồm 12 nước thành viên là Hoa Kỳ, Canada, Mexico, Peru, Chile, New Zealand, Úc, Nhật Bản, Singapore, Brunei, Malaysia và Việt Nam. TPP được chính thức ký ngày 4/2/2016 và được dự kiến sẽ có hiệu lực từ 2018. Tuy nhiên, đến tháng 1/2017, Hoa Kỳ tuyên bố rút khỏi TPP, khiến TPP không thể đáp ứng điều kiện có hiệu lực như dự kiến ban đầu. Tháng 5/2017, 11 nước thành viên còn lại của TPP quyết định sẽ tiếp tục TPP theo hình thức thích hợp, dù không có Hoa Kỳ. Tháng 11/2017, các nước ra Tuyên bố chung thống nhất đổi tên TPP thành CPTPP đồng thời điều chỉnh một số nội dung của TPP trong CPTPP. CPTPP được chính thức ký kết vào tháng 3/2018 bởi 11 nước thành viên còn lại của TPP (không bao gồm Hoa Kỳ).

1.1.2. Nội dung chính của Hiệp định CPTPP

Hiệp định CPTPP gồm 07 Điều và 01 Phụ lục quy định về mối quan hệ với Hiệp định TPP đã được 12 nước và Việt Nam ký ngày 06 tháng 2 năm 2016 tại New Zealand; cũng như xử lý các vấn đề khác liên quan đến tính hiệu lực, rút khỏi hay gia nhập Hiệp định CPTPP.

Về cơ bản, Hiệp định CPTPP giữ nguyên nội dung của Hiệp định TPP (gồm 30 chương và 9 phụ lục) nhưng cho phép các nước thành viên tạm hoãn 20 nhóm nghĩa vụ để bảo đảm sự cân bằng về quyền lợi và nghĩa vụ của các nước thành viên trong bối cảnh Hoa Kỳ rút khỏi Hiệp định TPP. 20 nhóm nghĩa vụ tạm hoãn này bao gồm 11 nghĩa vụ liên quan tới Chương Sở hữu trí tuệ, 2 nghĩa vụ liên quan đến Chương Mua sắm của Chính phủ và 7 nghĩa vụ còn lại liên quan tới 7 Chương là Quản lý hải quan và Tạo thuận lợi Thương mại, Đầu tư, Thương mại dịch vụ xuyên biên giới, Dịch vụ Tài chính, Viễn thông, Môi trường, Minh bạch hóa và Chống tham nhũng. Tuy nhiên, toàn bộ các cam kết về mở cửa thị trường trong Hiệp định TPP vẫn được giữ nguyên trong Hiệp định CPTPP.

Danh mục các nghĩa vụ của TPP tạm hoãn thực thi trong CPTPP

1. Chương 5 (Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại) Tạm hoãn Điều 5.7.1 (f) câu thứ 2 (Nghĩa vụ xem xét định kỳ ngưỡng miễn thuế cho hàng chuyển phát nhanh)
2. Chương 9 (Đầu tư) Các Điều 9.1, 9.19, 9.22, 9.25, Phụ lục 9L: Tạm hoãn các nội dung liên quan tới Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước (ISDS) đối với Thỏa thuận đầu tư và Chấp thuận đầu tư.
3. Chương 10 (Dịch vụ xuyên biên giới) Tạm hoãn Phụ lục 10-B đoạn 5 và 6 (Nghĩa vụ cấm doanh nghiệp buru chính độc quyền trợ cấp chéo cho hoạt động kinh doanh khác hay lạm dụng độc quyền trong cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh)
4. Chương 11 (Dịch vụ tài chính) Tạm hoãn Điều 11.2 tiêu mục 2(b) và Phụ lục 11-E (Nghĩa vụ áp dụng cơ chế ISDS đối với khiếu kiện vi phạm nguyên tắc “Chuẩn đối xử tối thiểu”)
5. Chương 13 (Viễn thông) Tạm hoãn Điều 13.21.1(d) (Nghĩa vụ phải cho phép doanh nghiệp viễn thông khiếu nại, khiếu kiện quyết định hành chính của cơ quan quản lý viễn thông)
6. Chương 15 (Mua sắm công) - Tạm hoãn Điều 15.8.5 (Các cam kết liên quan đến quyền lao động trong điều kiện tham gia dự thầu) - Sửa đổi Điều 15.24.2 đoạn “không muộn hơn 3 năm sau ngày Hiệp định có hiệu lực” thành “khi có một thành

viên yêu cầu và không sớm hơn 5 năm sau ngày Hiệp định có hiệu lực trừ khi các bên có thỏa thuận khác”

7. Chương 18 (Sở hữu trí tuệ)

- Tạm hoãn Điều 18.8 ghi chú 4 hai câu cuối (Giải thích cụ thể về loại biện pháp có ảnh hưởng tới việc sử dụng quyền bản quyền và quyền liên quan)

- Tạm hoãn Điều 18.37 đoạn 2 và câu cuối của đoạn 4 (Nghĩa vụ bảo hộ độc quyền sáng chế đối với các đối tượng: công dụng mới/phương thức sử dụng mới/quy trình sử dụng mới của sản phẩm đã biết; thực vật)

- Tạm hoãn Điều 18.46 (Nghĩa vụ điều chỉnh gia hạn bằng sáng chế do sự chậm trễ của cơ quan cấp bằng sáng chế)

- Tạm hoãn Điều 18.48 (Nghĩa vụ điều chỉnh gia hạn bảo hộ sáng chế do bị chậm trễ trong quá trình cấp phép lưu hành dược phẩm)

- Tạm hoãn Điều 18.50 (Nghĩa vụ bảo hộ độc quyền dữ liệu thử nghiệm bí mật hoặc dữ liệu bí mật khác đối với dược phẩm trong quá trình cấp phép lưu hành) - Tạm hoãn Điều 18.51 (Nghĩa vụ riêng liên quan tới sinh phẩm)

- Tạm hoãn Điều 18.63 (Nghĩa vụ về thời hạn tối thiểu bảo hộ quyền tác giả và các quyền liên quan)

- Tạm hoãn Điều 18.68 (Nghĩa vụ bảo hộ đối với các biện pháp công nghệ bảo vệ quyền (TPMs))

- Tạm hoãn Điều 18.69 (Nghĩa vụ bảo hộ đối với Thông tin quản lý quyền (RMI))

- Tạm hoãn Điều 18.79 (Nghĩa vụ bảo hộ tín hiệu cáp và tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa)

- Tạm hoãn Điều 18.82 và các Phụ lục 18-E và 18-F (Nghĩa vụ đối với trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ Internet trong bảo vệ quyền tác giả và quyền liên quan)

8. Chương 20 (Môi trường) Tạm hoãn Điều 20.17 đoạn 5, câu “hoặc một luật áp dụng khác” (Nghĩa vụ áp dụng “luật áp dụng khác” (luật nơi hành vi buôn bán diễn ra))

9. Chương 26 (Minh bạch và Chống tham nhũng) Tạm hoãn Phụ lục 26-A Điều 3 (Nghĩa vụ minh bạch hóa trong thủ tục lựa chọn danh mục được phẩm và thiết bị y tế được bảo hiểm chi trả và yêu cầu thông tin về các sản phẩm này)

10. Sửa đổi thời điểm hiệu lực của cam kết tại Phụ lục II-14-3 của Brunei (Nghĩa vụ mở cửa thị trường liên quan tới ngành than)

11. Sửa đổi thời điểm hiệu lực của cam kết tại Phụ lục IV-3 và IV-4 của Malaysia (Nghĩa vụ mở cửa thị trường liên quan tới doanh nghiệp Nhà nước) Ngoài Phụ lục tạm hoãn, các nước thành viên CPTPP còn có một số thay đổi khác trong Thỏa thuận song phương (tại các Thư bên lề - Side letters), tuy nhiên không ảnh hưởng tới nội dung chung của CPTPP.

Như vậy, văn kiện CPTPP gồm 30 Chương, bao trùm rất nhiều vấn đề, từ các vấn đề thương mại truyền thống (hàng hóa, dịch vụ, đầu tư...), đến các vấn đề thương mại chưa hoặc ít được đề cập trong các FTA (mua sắm công, thương mại điện tử, doanh nghiệp nhà nước...), và cả các vấn đề khác có liên quan đến thương mại (lao động, môi trường...).

1.1.3. Sự khác nhau giữa CPTPP và TPP

Về nội dung

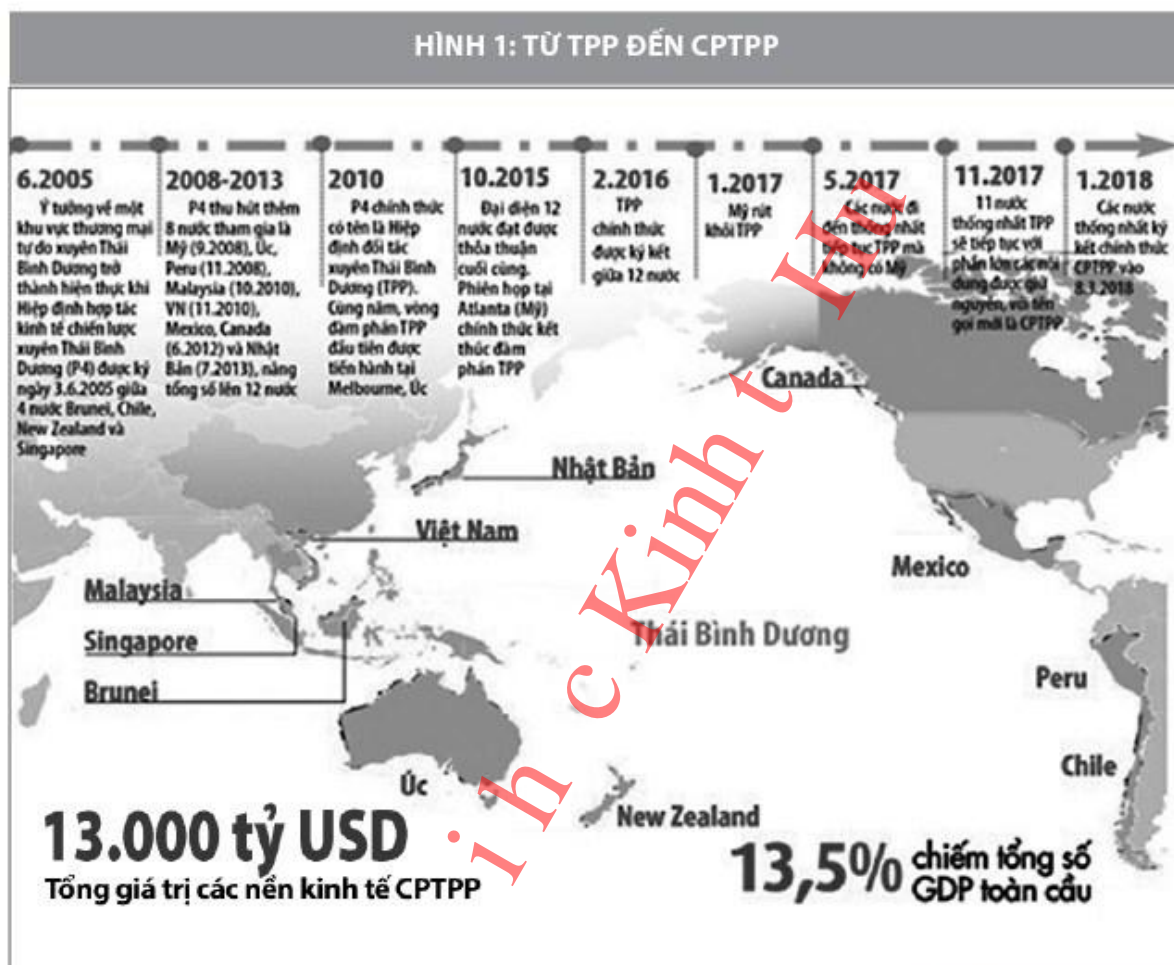
Hiệp định CPTPP cơ bản giữ nguyên các cam kết chính của Hiệp định TPP, đặc biệt là các cam kết mở cửa thị trường nhưng cho phép các nước tạm hoãn thực thi khoảng 20 nghĩa vụ trong các lĩnh vực quan trọng như sở hữu trí tuệ, đầu tư, mua sắm chính phủ, dịch vụ tài chính v.v.

Về số lượng thành viên và dân số

Hiệp định CPTPP có 11 thành viên còn Hiệp định TPP có 12 thành viên gồm 11 thành viên của CPTPP và Hoa Kỳ.

Về đóng góp vào thương mại và GDP toàn cầu

Giá trị đóng góp vào GDP và thương mại toàn cầu của Hiệp định TPP tương ứng là 40% và 30% trong khi giá trị đóng góp của Hiệp định CPTPP tương ứng là 15% và 15%.



Hình 1.1: Từ TPP đến CPTPP

Nguồn: thanhnien.vn

Hiệu lực của CPTPP

Theo quy định tại văn kiện Hiệp định CPTPP thì Hiệp định này sẽ chính thức có hiệu lực sau 60 ngày kể từ ngày có ít nhất 06 thành viên hoặc một nửa số thành viên Hiệp định (tùy số nào ít hơn) thông báo cho New Zealand (nước đóng vai trò Cơ quan Lưu trữ của Hiệp định) về việc đã hoàn tất các thủ tục pháp lý (phê chuẩn) nội bộ của mình. Đối với các nước không thuộc nhóm đề cập ở trên, CPTPP sẽ có hiệu lực

với nước đó sau 60 ngày kể từ ngày nước đó thông báo với New Zealand về việc hoàn tất thủ tục phê chuẩn nội bộ của mình.

Rút khỏi hoặc gia nhập CPTPP

CPTPP là một hiệp định mở, cho phép kết nạp thêm thành viên mới, cho phép thành viên hiện tại có thể rút khỏi Hiệp định với các điều kiện tương đối đơn giản.

- Về việc kết nạp thêm thành viên mới: CPTPP cho phép bất kỳ quốc gia hoặc khu vực lãnh thổ thuế quan nào nếu muốn đều có thể gia nhập Hiệp định, với điều kiện duy nhất là thỏa thuận được về điều kiện và cách thức với tất cả các thành viên của CPTPP.

- Về việc rút khỏi Hiệp định: CPTPP quy định nếu một nước Thành viên muốn rút khỏi Hiệp định thì phải thông báo bằng văn bản cho Cơ quan lưu chiểu (New Zealand), đồng thời thông báo cho tất cả các thành viên khác của Hiệp định về việc rút khỏi này. Việc rút khỏi sẽ có hiệu lực sau 06 tháng kể từ ngày gửi thông báo đến New Zealand, trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Hiệp định sẽ vẫn tiếp tục có hiệu lực với các thành viên còn lại.

1.2. Cơ hội và thách thức sau khi gia nhập Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)

1.2.1. Cơ hội và thách thức khi Việt Nam gia nhập CPTPP

1.2.1.1. Cơ hội khi Việt Nam gia nhập CPTPP

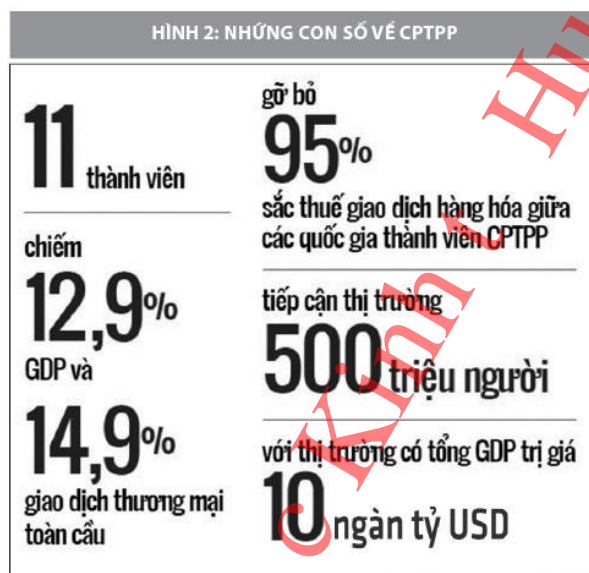
*** Mở rộng cơ hội phát triển**

CPTPP là Hiệp định mang tính toàn diện, bao trùm các nguyên tắc về thương mại, đầu tư, sở hữu trí tuệ và nhiều chủ đề khác. Hiệp định sẽ tạo áp lực lên cải cách môi trường đầu tư, kinh doanh, mở ra nhiều cơ hội cho doanh nghiệp (DN) phát triển, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam. Cụ thể:

Một là, cải cách thể chế, tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi.

CPTPP có những điều kiện tiêu chuẩn cao về mặt thể chế, chất lượng quản lý nhà nước cũng như khuôn khổ pháp luật. Việc tham gia Hiệp định này sẽ góp phần cải cách môi trường thể chế, hướng tới các “luật chơi” quốc tế. Đây là điều kiện cần thiết cho tăng trưởng, mang lại động lực tích cực để phát triển đất nước. Cải cách thể chế sẽ

giúp cho toàn xã hội thúc đẩy được khả năng cạnh tranh, huy động và sử dụng tốt nhất những nguồn lực sẵn có ở trong nước và tận dụng tốt hơn các nguồn lực bên ngoài. CPTPP sẽ giúp khuyến khích và thúc đẩy cải cách trong nước ở nhiều lĩnh vực như dịch vụ, hải quan, thương mại điện tử, mua sắm chính phủ, sở hữu trí tuệ, đầu tư, các vấn đề pháp lý, tiếp cận thị trường cho hàng hóa, quy tắc xuất xứ, các biện pháp phi thuế quan...



Nguồn: hipcaudautu.vn

Hình 1.2: Những con số thống kê về CPTPP

Nguồn: hipcaudautu.vn

Ngoài ra, CPTPP còn là động lực giúp đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế; đổi mới và sắp xếp lại DN nhà nước; đẩy mạnh cải cách và đơn giản hóa thủ tục hành chính; tạo sự liên thông giữa các bộ, ngành để nâng cao tính cạnh tranh của môi trường kinh doanh, thúc đẩy kết nối và hợp tác giữa các DN trong nước với các DN nước ngoài. Việc ký kết CPTPP được các chuyên gia đánh giá sẽ là lực đẩy cải cách thể chế, nhất là trong bối cảnh dù đã có những cải thiện nhưng nhiều điều kiện kinh doanh vẫn đang tiếp tục tạo ra rào cản với DN.

Hai là, tạo động lực tăng trưởng kinh tế.

Thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho thấy, với CPTPP, GDP dự báo tăng thêm 1,32%; xuất khẩu tăng thêm 4%, nhập khẩu tăng 3,8%. Một số ngành như dệt may, da giày, các ngành thâm dụng lao động khác của Việt Nam cũng sẽ được lợi và

tăng xuất khẩu. Ngành Thủy sản Việt Nam sẽ khả quan hơn khi các nước tham gia CPTPP hàng năm nhập khẩu gần 2 tỷ USD. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, với những lợi thế trên, việc tham gia CPTPP khiến thị trường xuất khẩu của Việt Nam được mở rộng và tận dụng được lợi thế với các thị trường mà từ trước đến nay Việt Nam chưa từng thâm nhập như: Canada, Mexico, Peru.

- Kết quả một khảo sát toàn diện về doanh nghiệp trên toàn cầu của Ngân hàng HSBC cho thấy, khoảng 63% các doanh nghiệp tại Việt Nam tin rằng CPTPP sẽ có tầm ảnh hưởng tích cực lên hoạt động kinh doanh của họ. Trong số 1.150 doanh nghiệp có trụ sở tại các nước thành viên CPTPP tham gia khảo sát, gần một nửa (46%) kỳ vọng những lợi ích tích cực từ Hiệp định.

Ba là, nhân thêm cơ hội cho DN Việt Nam.

Trong CPTPP, các nước thành viên đã xóa gần như toàn bộ thuế nhập khẩu theo lộ trình, tự do hóa dịch vụ và đầu tư trên cơ sở tuân thủ pháp luật của nước sở tại, bảo đảm sự quản lý của Nhà nước. Điều này sẽ tạo ra cơ hội kinh doanh mới cho DN và lợi ích người tiêu dùng của các nước thành viên.

Theo nhận định của Hiệp hội Dệt may Việt Nam, CPTPP sẽ giúp Việt Nam đẩy mạnh tăng trưởng xuất khẩu cũng như thay đổi cơ cấu thị trường xuất khẩu theo hướng cân bằng hơn. Khi dòng thuế suất bằng 0%, CPTPP sẽ giúp ngành Dệt may Việt Nam mở rộng thị phần tại một số nước đang có thuế suất cao như: Canada, Newzeland, Australia... Cũng như dệt may, CPTPP là cơ hội để các doanh nghiệp xuất khẩu da giày tăng tỷ trọng, tăng cơ hội xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng mà Việt Nam chưa có hiệp định thương mại như: Mexico, Canada, Peru... Riêng Nhật Bản - một trong những thị trường chủ lực của ngành xuất khẩu da giày, túi xách Việt Nam với mức tăng trưởng trung bình 20-35%/năm, nếu doanh nghiệp biết tận dụng chặt chẽ các điều khoản từ CPTPP, mức tăng trưởng này sẽ còn cao hơn hiện tại.

Hơn nữa, Hiệp định CPTPP sau khi được thông qua sẽ mở ra nhiều cơ hội cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. Với việc giảm thuế sang các quốc gia nhập khẩu, các doanh nghiệp sẽ có thêm cơ hội mới để mở rộng việc cung cấp các sản phẩm vào thị trường các quốc gia thành viên. Việc giảm thuế nhập khẩu cho sản phẩm vào Việt Nam cũng sẽ giúp cho doanh nghiệp có thêm đối tác mới, đa dạng hóa các chủng loại

hàng hóa, mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Hiệp định sẽ tạo ra một sân chơi công bằng, minh bạch và là cơ sở, nền tảng để cho các doanh nghiệp có định hướng phát triển bền vững; nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện chất lượng hàng hóa dịch vụ, khả năng sản xuất của nền kinh tế để bắt kịp xu hướng phát triển của thế giới, từ đó tham gia hiệu quả hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Cùng với các cơ hội trên, việc thực thi các quy định của CPTTP cũng sẽ giúp Việt Nam trở thành một trong những địa chỉ hấp dẫn về đầu tư tạo ra các cơ hội cho các DN Việt Nam thu hút mạnh mẽ vốn đầu tư nước ngoài cũng như khả năng tiếp cận công nghệ hiện đại..

*** Lợi ích về xuất khẩu**

Việc các nước, trong đó có các thị trường lớn như Nhật Bản và Canada giảm thuế nhập khẩu về 0% cho hàng hóa của ta sẽ tạo ra những tác động tích cực trong việc thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu. Theo đó, doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu hàng hóa sang thị trường các nước thành viên Hiệp định CPTPP sẽ được hưởng cam kết cắt giảm thuế quan rất ưu đãi.

Về cơ bản, các mặt hàng xuất khẩu có thế mạnh của ta như nông thủy sản, điện, điện tử đều được xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Với mức độ cam kết như vậy, theo nghiên cứu chính thức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, xuất khẩu của Việt Nam có thể sẽ tăng thêm 4,04% đến năm 2035.

Việc có quan hệ FTA với các nước CPTPP sẽ giúp Việt Nam có cơ hội cơ cấu lại thị trường xuất nhập khẩu theo hướng cân bằng hơn. Theo một nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới được công bố vào tháng 3 năm 2018, dự báo đến năm 2030, xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP sẽ tăng từ 54 tỷ đô-la Mỹ lên 80 tỷ đô-la Mỹ, chiếm 25% tổng lượng xuất khẩu.

*** Lợi ích về việc tham gia chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu**

Các nước CPTPP chiếm 13,5% GDP toàn cầu với tổng kim ngạch thương mại hơn 10.000 tỷ USD, lại bao gồm các thị trường lớn như Nhật Bản, Canada, Úc sẽ mở ra nhiều cơ hội khi chuỗi cung ứng mới hình thành. Tham gia CPTPP sẽ giúp xu hướng này phát triển ngày càng mạnh mẽ hơn, là điều kiện quan trọng để nâng tầm

trình độ phát triển của nền kinh tế, tăng năng suất lao động, giảm dần việc gia công lắp ráp, tham gia vào các công đoạn sản xuất có giá trị gia tăng cao hơn, từ đó bước sang giai đoạn phát triển các ngành điện tử, công nghệ cao, sản phẩm nông nghiệp xanh... Đây là cơ hội rất lớn để nâng tầm nền kinh tế Việt Nam trong 5 - 10 năm tới.

*** Lợi ích đối với các ngành**

Các ngành dự kiến có mức tăng trưởng lớn sẽ là thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, dệt may, một số phân ngành sản xuất và dịch vụ. Trong đó, mức tăng trưởng lớn nhất là ở các ngành thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, dệt may, hóa chất, sản phẩm nhựa và đồ da, trang thiết bị vận tải, máy móc và các trang thiết bị khác. Theo nghiên cứu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, với các ngành công nghiệp nhẹ và thâm dụng lao động khác, CPTPP có thể tạo ra mức tăng trưởng bình quân từ 4% - 5% và mức tăng xuất khẩu có thể đạt từ 8,7% - 9,6%.

*** Lợi ích về cải cách thể chế**

Cũng như tham gia Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tham gia CPTPP, một FTA thế hệ mới, sẽ là cơ hội để ta tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp luật kinh tế, trong đó có thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, một trong ba đột phá chiến lược mà Đảng ta đã xác định; hỗ trợ cho tiến trình đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế của ta, đồng thời giúp ta có thêm cơ hội để hoàn thiện môi trường kinh doanh theo hướng thông thoáng, minh bạch và dễ dự đoán hơn, tiệm cận các chuẩn mực quốc tế tiên tiến, từ đó thúc đẩy cả đầu tư trong nước lẫn đầu tư nước ngoài.

*** Lợi ích về việc làm, thu nhập**

Tham gia CPTPP sẽ tạo ra các cơ hội giúp nâng cao tốc độ tăng trưởng. Vì vậy, về mặt xã hội, hệ quả là sẽ tạo thêm nhiều việc làm, nâng cao thu nhập và góp phần xóa đói giảm nghèo. Theo kết quả nghiên cứu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, CPTPP có thể giúp tổng số việc làm tăng bình quân mỗi năm khoảng 20.000 - 26.000 lao động. Đối với lợi ích về xóa đói giảm nghèo, theo nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới, đến năm 2030, CPTPP dự kiến sẽ giúp giảm 0,6 triệu người nghèo ở mức chuẩn nghèo 5,5 đô-la Mỹ/ngày. Tất cả các nhóm thu nhập dự kiến sẽ được hưởng lợi.

Tăng trưởng kinh tế cũng giúp ta có thêm nguồn lực để cải thiện chất lượng nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Do các nền kinh tế của các nước thành viên CPTPP đều phát triển ở trình độ cao hơn Việt Nam và mang tính bổ sung đối với nền kinh tế Việt Nam, nhập khẩu từ các nước CPTPP chưa có FTA với ta phần lớn là không cạnh tranh trực tiếp, nên với một lộ trình giảm thuế hợp lý, kết hợp với hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội, ta có thể xử lý được các vấn đề xã hội nảy sinh do tham gia CPTPP. Đặc biệt, do Hiệp định CPTPP bao gồm cả các cam kết về bảo vệ môi trường nên tiến trình mở cửa, tự do hóa thương mại và thu hút đầu tư sẽ được thực hiện theo cách thân thiện với môi trường hơn, giúp kinh tế Việt Nam tăng trưởng bền vững hơn.

Là hiệp định thương mại tự do (FTA) lớn nhất được kết thúc đàm phán trong thời gian gần đây, CPTPP đem lại lợi ích cụ thể cho Việt Nam cả về chính trị - đối ngoại lẫn kinh tế, xã hội. Tham gia CPTPP sẽ giúp tăng cường vai trò và vị thế của Việt Nam cả ở khu vực và quốc tế bởi đây là minh chứng cụ thể, là bước tiến mới trong quá trình thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ của Việt Nam.

Tham gia hiệp định sẽ củng cố thêm sức mạnh kinh tế cho Việt Nam thông qua việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thương mại cũng như thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tạo thêm xung lực mới cho phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

Hiệp định sẽ góp phần vào việc thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang các thị trường lớn như Nhật Bản, Australia, Canada, Mexico..., cũng như thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành, lĩnh vực mà Việt Nam đang có nhu cầu phát triển. Ước tính, Việt Nam có thể tăng tổng kim ngạch xuất khẩu khoảng 4% (tương đương 4,09 tỷ USD).

Mặt khác, quá trình tự do hóa thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng thông qua CPTPP giúp Việt Nam trở thành một trong những địa chỉ hấp dẫn về đầu tư, có thể thu hút được dòng FDI với giá trị lớn hơn và công nghệ cao hơn.

Cùng với đó là cơ hội lớn cho Việt Nam đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế bởi nhu cầu đối với các ngành xuất khẩu trọng điểm như dệt may, da giày, đánh bắt cá gia tăng... sẽ dẫn tới việc mở rộng các ngành sản xuất nội địa, thực hiện các mục tiêu phát triển quốc gia đối với nhiều ngành nghề.

Từ đó, cấu trúc kinh tế của Việt Nam cũng phải được điều chỉnh toàn diện. Xuất khẩu và đầu tư cũng có vai trò quyết định trong tạo việc làm, nâng cao đời sống người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo.

Theo nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới, CPTPP có thể giúp Việt Nam giảm được gần 1 triệu người thuộc diện đói nghèo.

Phần quan trọng khác chính là việc giúp Việt Nam đẩy nhanh cải cách thể chế trong nước để vận hành nền kinh tế thị trường một cách toàn diện và triệt để, tạo môi trường đầu tư – kinh doanh thông thoáng, minh bạch, bởi khi tham gia, Việt Nam sẽ phải đưa ra những cam kết rõ ràng hơn trong việc cải thiện môi trường đầu tư và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Ngoài hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, CPTPP sẽ thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng cân bằng hơn và chuyển đổi mô hình tăng trưởng của Việt Nam. Đây mới là các lợi ích mang tính lâu dài.

Ngoài ra, CPTTP có tính mở, khi có nước khác tham gia hiệp định thì lợi ích với Việt Nam cũng sẽ tăng lên. Là nước tham gia từ đầu thì Việt Nam sẽ có lợi thế hơn trong việc bảo vệ các lợi ích của mình.

1.2.1.2. Thách thức khi gia nhập CPTPP

Khi đi vào thực thi, bên cạnh những cơ hội mở ra cho Việt Nam, Hiệp định CPTTP cũng đặt ra không ít thách thức. Cụ thể:

*** Thách thức về kinh tế**

Xét theo mặt hàng, một số chủng loại nông sản mà một số nước CPTPP có thể mạnh như thịt lợn, thịt gà là những mặt hàng Việt Nam đã sản xuất được nhưng sức cạnh tranh còn yếu. Tuy nhiên, do Hoa Kỳ đã rút khỏi Hiệp định nên sức ép cạnh tranh giảm đi đáng kể. Hơn nữa, với hai mặt hàng này, Việt Nam đã bảo lưu được lộ trình thực hiện tương đối dài (với một số chủng loại thịt gà là trên 10 năm). Đây là lộ trình dài hơn nhiều so với cam kết mở cửa thị trường của Việt Nam trong ASEAN vốn cũng rất cạnh tranh trong việc sản xuất một số loại thịt.

Một số sản phẩm công nghiệp mà một số nước CPTPP có thể mạnh cũng có thể gây khó khăn cho sản xuất của ta, ví dụ như giấy, thép, ô tô. Tuy nhiên, có cơ sở để cho rằng sức ép cạnh tranh sẽ không lớn vì hiện tại và trong tương lai 10 - 15 năm nữa

sản phẩm của ta vẫn chủ yếu hướng đến phân khúc thị trường trung bình trong khi sản phẩm của các nước CPTPP thường hướng đến phân khúc thị trường cao cấp.

Để vượt qua thách thức này, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp - chăn nuôi, Chính phủ trong thời qua đã ban hành 3 Nghị định theo hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất, thí điểm một số mô hình sản xuất tiên tiến, thúc đẩy ứng dụng khoa học - công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp và nông dân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nông nghiệp v.v. để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp, từ đó đủ sức cạnh tranh trên sân nhà và vươn ra thị trường thế giới. Hiện nay, nhiều tập đoàn lớn của Việt Nam đã quan tâm đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp với các công nghệ sản xuất và quản lý tiên tiến trên thế giới.

Với công nghệ và phương thức quản lý hiện đại, có cơ sở để tin rằng các sản phẩm do các tập đoàn này làm ra sẽ có khả năng cạnh tranh trên sân nhà. Theo kết quả đàm phán, việc mở cửa thị trường trong một số lĩnh vực nông nghiệp cũng sẽ được thực hiện theo lộ trình phù hợp để hỗ trợ cho tiến trình cơ cấu lại.

Với các sản phẩm khác, giải pháp chủ yếu cũng là kéo dài lộ trình giảm thuế để có thời gian tái cơ cấu sản xuất trong nước, thúc đẩy đầu tư quy mô lớn và áp dụng công nghệ cao để nâng dần sức cạnh tranh. Theo hướng đó, lộ trình cần được sử dụng một cách chủ động, hiệu quả, tránh tình trạng ỷ lại vào lộ trình dẫn đến chậm đổi mới và từ đó là bị động, lúng túng khi thách thức đến. Đặc biệt, cần đổi mới và tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến để mọi doanh nghiệp đều nhận thức được cơ hội và thách thức của CPTPP nói riêng cũng như tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và tham gia các FTA thế hệ mới nói chung.

*** Thách thức về hoàn thiện khuôn khổ pháp luật, thể chế**

Để thực thi cam kết trong CPTPP, sẽ phải điều chỉnh, sửa đổi một số quy định pháp luật về thương mại, hải quan, sở hữu trí tuệ, lao động, công đoàn v.v. Sức ép phải thay đổi hệ thống pháp luật để tuân thủ những chuẩn mực mới của Hiệp định là có nhưng sẽ vượt qua được vì 3 lý do. Một là, những cam kết khó nhất, đòi hỏi nguồn lực thực thi lớn (ví dụ như trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ), đã được 11 nước "tạm hoãn" sau khi Hoa Kỳ rút khỏi Hiệp định TPP. Hai là, nhiều cam kết tuy mới nhưng lại phù hợp hoàn toàn với đường lối, chủ trương của Đảng cũng như pháp luật của Nhà nước (ví dụ

như trong lĩnh vực mua sắm của Chính phủ, bảo vệ môi trường, doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp nhỏ và vừa...) nên sức ép thay đổi hệ thống pháp luật không lớn.

Ngoài ra, như kinh nghiệm gia nhập WTO đã chỉ ra, với sự chuẩn bị nghiêm túc và nỗ lực cao, ta có thể thực hiện thành công khối lượng công việc này, nhất là khi ta được quyền thực hiện theo lộ trình. Cụ thể, ngay sau khi Hiệp định được ký kết, Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành phối hợp với Bộ Tư pháp khẩn trương rà soát các quy định hiện hành trong các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi phụ trách để từ đó đề xuất hướng sửa đổi, bổ sung hoặc hình thức áp dụng phù hợp nhằm đảm bảo phù hợp với các yêu cầu của Hiệp định CPTPP. Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Kế hoạch của Chính phủ về thực thi Hiệp định CPTPP, trong đó phân công nhiệm vụ cho từng Bộ, ngành, cơ quan có liên quan triển khai các công việc cụ thể để bảo đảm việc thực thi đầy đủ và có hiệu quả Hiệp định này.

*** Thách thức về xã hội**

Cạnh tranh tăng lên khi tham gia CPTPP có thể làm cho một số doanh nghiệp, trước hết là các doanh nghiệp vẫn dựa vào sự bao cấp của Nhà nước, các doanh nghiệp có công nghệ sản xuất và kinh doanh lạc hậu lâm vào tình trạng khó khăn (thậm chí phá sản), kéo theo đó là khả năng thất nghiệp trong một bộ phận lao động sẽ xảy ra. Tuy nhiên, như đã trình bày ở trên, do phần lớn các nền kinh tế trong CPTPP không cạnh tranh trực tiếp với ta, nên ngoại trừ một số ít sản phẩm nông nghiệp, dự kiến tác động này là có tính cục bộ, quy mô không đáng kể và chỉ mang tính ngắn hạn.

Đồng thời, với cơ hội mới có được, ta sẽ có điều kiện để tạo ra nhiều việc làm mới, giúp chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang các ngành ta thực sự có lợi thế cạnh tranh. Ngoài ra, với thời gian, thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài tăng lên, có lựa chọn hơn, cơ cấu sản xuất sẽ được điều chỉnh và nhiều việc làm mới sẽ được tạo ra.

*** Thách thức về thu ngân sách**

Việc cắt giảm thuế nhập khẩu theo cam kết sẽ làm giảm thu ngân sách, tuy nhiên sẽ không tác động đột ngột do trong CPTPP có đến 7/10 nước đã có FTA với Việt Nam, chỉ còn 3 nước là Canada, Mexico và Peru là chưa có FTA với Việt Nam nhưng thương mại hiện còn khiêm tốn. Trước tác động của hội nhập đến thu ngân sách, theo chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18 tháng 11

năm 2016 về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công, Bộ Tài chính đã và đang thực hiện tái cơ cấu ngân sách nhà nước, trong đó có việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về ngân sách, chính sách thuế, quản lý thuế, hải quan nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, mở rộng cơ sở thuế, tăng thu nội địa, trên cơ sở đó đảm bảo bền vững ngân sách nhà nước, an ninh tài chính quốc gia.

Với thuế xuất khẩu, do Việt Nam giữ lại thuế xuất khẩu đối với một số mặt hàng có nguồn thu lớn như dầu thô và một số loại khoáng sản nên tác động giảm thu không lớn.

Ngoài ra, với những lợi ích mà Hiệp định CPTPP mang lại, các doanh nghiệp trong và ngoài nước sẽ có nhiều cơ hội để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó có thể đóng góp nhiều hơn vào ngân sách Nhà nước thông qua các khoản thu thuế nội địa như thuế thu nhập doanh nghiệp... Điều này sẽ phần nào giúp cân bằng nguồn thu – chi cho ngân sách quốc gia.

1.2.2. Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu khi gia nhập CPTPP

1.2.2.1. Những cơ hội cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu khi gia nhập CPTPP

CPTPP bắt đầu có hiệu lực bằng việc áp dụng biểu thuế đặc biệt cho các hàng hóa có nguồn gốc từ các nước thành viên. Việc giảm thuế được mặc định áp dụng sau khi CPTPP có hiệu lực tại lãnh thổ của nước thành viên. Theo đó, các bên xuất khẩu hàng hóa có nguồn gốc từ CPTPP có thể hưởng mức thuế ưu đãi ngay lập tức. Không giống một số cam kết khác phải có văn bản pháp luật nội luật trước khi áp dụng trong nước, việc giảm thuế quan sẽ tuân theo các điều khoản của lộ trình đã đàm phán trước đó trong Phụ lục của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Thuế quan được giảm từ “mức thuế cơ bản”, đây là mức thuế đã được áp dụng đối với hàng hóa trong năm 2010, khi các cam kết TPP lần đầu tiên được đàm phán.

Trong trường hợp của Việt Nam, Quốc hội đã phê chuẩn CPTPP vào ngày 14/11/2018 với hiệu lực vào ngày 14/1/2019. Sau khi Hiệp định có hiệu lực, Việt Nam sẽ thực hiện đợt giảm thuế đầu tiên, đợt 2 bắt đầu từ ngày 1/1/2020. Tuy nhiên, Việt Nam và 5 trong số 6 quốc gia phê chuẩn ban đầu đã cùng nhau lựa chọn tăng tốc lộ trình xóa bỏ thuế của mình đối với Việt Nam. Theo đó, thuế của Việt Nam đối với

hàng hóa nhập khẩu từ Australia, Canada, Nhật Bản, New Zealand và Singapore trong năm 2019 sẽ được giảm đến mức thuế của đợt hai.

Cơ hội cho các nhà nhập khẩu vào Việt Nam

Việt Nam sẽ xóa bỏ thuế quan với hàng hóa có nguồn gốc từ các nước thành viên CPTPP trong vòng 21 năm tiếp theo, với gần như tất cả các loại thuế nhập khẩu bị xóa bỏ. Việt Nam cũng sẽ bảo lưu một số hạn ngạch thuế quan (TRQ) đặc biệt và trì hoãn lộ trình giảm thuế quan để bảo vệ thị trường trong nước, đạt được các mục tiêu về lợi ích quốc gia.

Đa số các dòng thuế quan nông nghiệp sẽ được xóa bỏ ngay lập tức. Các dòng thuế quan còn lại đối với nông phẩm sẽ được xóa trong 14 năm. Một số loại gia cầm, trái cây và rau củ được bảo quản và các loại thực phẩm được bảo quản dành cho trẻ em sẽ được hưởng mức giảm thuế cao nhất, một số trường hợp lên đến 40%. Một số giống lúa sẽ được giảm mức thuế quan 40% ngay lập tức được giảm xuống bằng 0 ngay khi CPTPP có hiệu lực. Trà lá, cà phê hòa tan và nước khoáng đều bắt đầu với mức thuế quan cơ bản là 40% và sau đó sẽ được xóa bỏ trong thời gian 8 năm hoặc ngắn hơn.

Với hàng dệt may và quần áo, phần lớn các loại thuế quan, trung bình ở mức 20%, được xóa bỏ ngay lập tức. Mặt hàng giày dép được hưởng mức giảm cao hơn, với mức thuế quan cơ bản được áp dụng là 34%, cũng được xóa bỏ ngay lập tức.

Lợi ích của doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu

Tất nhiên, giá thành thấp hơn cho hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam có nghĩa là tăng sự cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong nước. Như vậy, đây là thời điểm doanh nghiệp tận dụng lợi thế của các hiệp định thương mại tự do của Việt Nam, bao gồm CPTPP. Kể từ ngày 14/1/2019, hàng hóa có nguồn gốc từ Việt Nam được xuất khẩu sang các thành viên CPTPP khác đã được hưởng mức thuế quan ưu đãi tại 6 quốc gia khác đã phê chuẩn CPTPP.

Tương tự lộ trình thuế quan của Việt Nam ở trên, từng quốc gia thành viên CPTPP khác đều có lộ trình xóa bỏ thuế quan tương ứng của mình. Australia, Canada, Nhật Bản, New Zealand và Singapore đã thực hiện 2 đợt cắt giảm thuế quan đối ứng với hàng hóa có nguồn gốc từ Việt Nam.

Cụ thể, Australia đã cam kết xóa bỏ đa số các khoản thuế quan được áp dụng đối với hàng hóa có nguồn gốc từ các nước thành viên CPTPP trong thời hạn 4 năm.

Hầu hết các mức thuế quan đều giảm xuống 0 khi CPTPP có hiệu lực tại Australia. Lộ trình xóa bỏ thuế quan của Canada kéo dài trong 12 năm với hầu hết các mức thuế được xóa bỏ ngay lập tức.

Không chỉ được ghi công về việc “giải cứu” TPP sau khi Hoa Kỳ rút khỏi, mà năm 2019, Nhật Bản còn ký kết hiệp định thương mại tự do lớn nhất thế giới với EU. Nhật Bản sẽ xóa bỏ các thuế quan theo CPTPP trong 21 năm tiếp theo, xóa bỏ 86% các dòng thuế quan. Điều quan trọng là, khoản thuế quan được giảm áp dụng cho thực phẩm và nông phẩm nhập khẩu.

Không phải tất cả các bên ký kết đều đã phê chuẩn CPTPP, Brunei, Chile, Malaysia và Peru vẫn chưa hoàn thành các thủ tục pháp lý để Hiệp định có hiệu lực. Các cơ hội thị trường khác sẽ trở thành hiện thực khi 4 bên ký kết CPTPP còn lại phê chuẩn Hiệp định.

Việc giảm thuế sau đó diễn ra hàng năm vào ngày 1/1 mỗi năm Dương lịch (ngoại trừ Nhật Bản áp dụng vào ngày 1/4 theo lịch tài chính của nước này). Sáu thành viên đầu tiên phê chuẩn CPTPP (Australia, Canada, Nhật Bản, Mexico, New Zealand và Singapore) đã thực hiện đợt 1 cắt giảm thuế vào ngày 30/12/2018, đợt thứ hai vào ngày 1/1/2019, đợt thứ ba dự kiến vào ngày 1/1/2020. Tại các nước còn lại, thỏa thuận sẽ có hiệu lực 60 ngày sau khi thông báo về việc hoàn tất các thủ tục pháp lý trong nước của mình.

Những cánh cửa mới

Với 11 nền kinh tế thành viên, CPTPP là hiệp định quan trọng, mang tới nhiều cơ hội cho Việt Nam trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang có dấu hiệu giảm sút, chủ nghĩa bảo hộ gia tăng. Có ba nước thành viên CPTPP thuộc khu vực châu Mỹ gồm: Canada, Mêhicô và Peru là những nước lần đầu có Hiệp định Thương mại tự do (FTA) với Việt Nam. Đáng chú ý, đây đều là những thành viên có cam kết cắt giảm tỷ lệ thuế quan cho hàng hóa Việt Nam rất cao ngay khi CPTPP có hiệu lực. Cụ thể, Canada cắt giảm tới 94% hàng rào thuế quan cho hàng hóa Việt Nam, Peru là 81% và Mêhicô 77%. Thực tế, những năm gần đây, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và các quốc gia nêu trên đã phát triển đáng kể. Canada, Mêhicô, Peru và cả Chile (cũng nằm trong CPTPP) đều là những quốc gia châu Mỹ mà chúng ta có trao đổi thương mại lớn, là những thị trường quan trọng của Việt Nam tại khu vực. Do đó, với CPTPP, Việt

Nam có thể tăng cường hơn nữa xuất khẩu các mặt hàng truyền thống, đồng thời tìm kiếm cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu một số mặt hàng tiềm năng khác sang các thị trường này.

Cụ thể, theo Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ (Bộ Công thương), Việt Nam được nhận định là nước có lợi thế lớn trong thương mại song phương với Canada. Quốc gia này có nền kinh tế tương đối mở và đang tiếp tục theo đuổi chính sách tự do hóa thương mại. Với việc CPTPP sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu cho 95% số dòng thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực, trong đó bao trùm 78% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, thị trường Ca-na-đa mang lại nhiều cơ hội để nước ta đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là đối với một số mặt hàng như thủy sản, đồ gỗ nội thất, dệt may, giày dép hay một số sản phẩm nông sản chủ lực như chè, hạt tiêu, hạt điều. Riêng đối với sản phẩm thế mạnh của Việt Nam là dệt may, thuế quan vào thị trường Ca-na-đa sẽ được xóa bỏ hoàn toàn 100% vào năm thứ tư. Trong khi đó, mặc dù thị trường quần áo của Ca-na-đa có dung lượng nhỏ, nhưng nhiều công ty phân phối dệt may hàng đầu thế giới đều có trụ sở tại đất nước này và phần lớn phân phối sang cả thị trường Mỹ và các nước khác.

Mê-hi-cô là đối tác thương mại lớn thứ ba của Việt Nam tại Mỹ la tinh. Năm 2018, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này đạt 2,24 tỷ USD với các sản phẩm xuất khẩu chính là điện thoại, giày dép, máy tính, hàng dệt may. Với CPTPP, Mê-hi-cô cam kết xóa bỏ 77% số dòng thuế ngay từ 14-1, tương đương 36,5% kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam và sẽ xóa bỏ thuế quan đối với 98% số dòng thuế vào năm thứ 10 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Pê-ru cũng được đánh giá là thị trường tiềm năng, tương đối phù hợp với trình độ và quy mô cũng như cách tiếp cận của nước ta bởi 75% số công ty xuất, nhập khẩu của quốc gia này là vừa và nhỏ, hàng hóa sản phẩm dễ thâm nhập, cạnh tranh, đồng thời có thể đi vào các nước láng giềng như Colombia, Bolivia, Braxin,... Mặc dù trao đổi hàng hóa giữa Việt Nam và Pê-ru hiện còn khá thấp, ở mức khoảng 250 triệu USD/năm nhưng khi CPTPP dự kiến có hiệu lực trong năm 2019 tại Pê-ru hứa hẹn sẽ tạo xung lực mới cho quan hệ thương mại hai nước. Đây cũng là lần đầu hai nước có quan hệ FTA và Việt Nam cần nắm bắt cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu một số hàng hóa có thế mạnh. Riêng Chilê đã luôn là thị trường tích cực mở cửa cho hàng hóa Việt Nam trong những năm qua kể từ khi FTA

Việt Nam - Chilê chính thức có hiệu lực năm 2014. Trong bối cảnh Hiệp định CPTPP dự kiến được thông qua tại Chi-lê vào quý II-2019, Việt Nam chắc chắn sẽ có thêm nhiều cơ hội để tăng cường xuất khẩu sang thị trường này.

1.2.2.2. Những thách thức đặt ra cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu sau khi gia nhập CPTPP

CPTPP mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức đối với nền kinh tế nói chung và đối với các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng. Thách thức lớn nhất đối với Việt Nam là cải cách thể chế. Đối với Chính phủ, phải cải cách luật chơi, thông tin, giáo dục, đào tạo... Còn doanh nghiệp phải tăng cường sự hiểu biết để tận dụng lợi thế mà CPTPP để lại. Đặc biệt, cần hiểu rằng, doanh nghiệp không chỉ am hiểu về luật chơi quốc tế mà còn phải nắm bắt thông tin cũng như kịp thời cập nhật các thay đổi chính sách tương ứng; nâng cao năng lực pháp lý, quản trị kinh doanh, để tự bảo vệ mình. Để chuẩn bị tham gia CPTPP, việc cải cách mạnh mẽ từ bên trong là vấn đề đặt ra cấp thiết, đối với Việt Nam. Tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai vẫn còn gặp nhiều vướng mắc, khó khăn.

Bên cạnh đó, thực tế cho thấy khả năng thích ứng của doanh nghiệp Việt Nam còn kém so với tiêu chuẩn đặt ra, công nghệ lạc hậu, công tác tổ chức sản xuất, kiểm soát thị trường của Việt Nam cũng chưa theo kịp các nước thành viên... Trong khi, CPTPP đặt ra các yêu cầu và tiêu chuẩn cao về minh bạch hóa, các quy định về sở hữu trí tuệ cũng như cơ chế giải quyết tranh chấp có tính ràng buộc và chặt chẽ. Chưa kể, sau khi CPTPP có hiệu lực, cạnh tranh cũng sẽ diễn ra quyết liệt không chỉ ở thị trường các nước thành viên, mà ngay tại thị trường trong nước trên cả ba cấp độ: sản phẩm, DN và quốc gia.

Theo quy định của CPTPP, mức thuế suất xuất nhập khẩu bình quân áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu sang các thị trường CPTPP sẽ giảm từ 1,7% xuống 0,2%. Tuy nhiên, cùng với những thuận lợi về tài chính, trình độ quản trị, chuỗi phân phối toàn cầu, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải đối mặt với một thách thức, đó là các doanh nghiệp nước ngoài sẽ “nhanh chân” hơn doanh nghiệp Việt Nam trong việc hưởng lợi từ các ưu đãi thuế quan từ CPTPP. Đây cũng là thách thức rất lớn đối

với doanh nghiệp Việt Nam, bởi vì, tiềm lực của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay còn yếu, chưa có sự liên kết chặt chẽ và tương hỗ lẫn nhau...

Tham gia CPTPP, Việt Nam sẽ phải mở cửa cho hàng hóa, dịch vụ của các nước đối tác tại thị trường trong nước, đồng nghĩa với việc doanh nghiệp Việt Nam phải cạnh tranh gay gắt hơn tại “sân nhà”. Điều này sẽ gây nên không ít áp lực cho hàng hóa Việt Nam và nguy cơ thất bại của các doanh nghiệp trên chính thị trường nội địa cũng vì thế sẽ gia tăng.

Đánh giá về các thách thức của CPTPP với Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Công Thương Trần Tuấn Anh và các chuyên gia kinh tế nhận định văn kiện này không chỉ đề cập tới các lĩnh vực truyền thống như cắt giảm thuế quan đối với hàng hóa, mở cửa thị trường dịch vụ, sở hữu trí tuệ, hàng rào kỹ thuật liên quan đến thương mại... mà còn xử lý những vấn đề mới, phi truyền thống như lao động, môi trường, mua sắm của chính phủ, doanh nghiệp nhà nước...

Hiệp định này còn đặt ra các yêu cầu và tiêu chuẩn cao về minh bạch hóa, các quy định về bảo hộ sở hữu trí tuệ cũng như đưa ra cơ chế giải quyết tranh chấp có tính ràng buộc và chặt chẽ. Bên cạnh đó, cạnh tranh sẽ diễn ra quyết liệt không chỉ ở thị trường các nước tham gia hiệp định mà ngay tại thị trường trong nước trên cả ba cấp độ: sản phẩm, doanh nghiệp và quốc gia. Tất cả tạo ra sức ép to lớn trong bối cảnh năng lực cạnh tranh quốc gia và của doanh nghiệp Việt Nam còn nhiều hạn chế, Việt Nam có trình độ phát triển được xem là thấp nhất trong các thành viên CPTPP.

Những tác động tiêu cực từ những yêu cầu phải mở cửa thị trường mua sắm công, thuế nhập khẩu hay thiếu chiến lược đầu tư hiệu quả... có thể khiến cho lợi ích tổng thể của nền kinh tế bị suy giảm.

Trong khi đó, quá trình cải cách thể chế trong nước chậm chạp có thể không bắt kịp với tiến trình chuyển đổi nhanh chóng khi nền kinh tế Việt Nam hội nhập trong CPTPP, cản trở Việt Nam khai thác những cơ hội mà CPTPP mang lại.

Việt Nam sẽ phải mở cửa chào đón hàng hóa, dịch vụ của các nước đối tác tại thị trường trong nước, đồng nghĩa với việc doanh nghiệp Việt Nam phải cạnh tranh gay gắt hơn tại “sân nhà”. Trong bối cảnh khả năng thích nghi của doanh nghiệp Việt Nam với kinh tế thị trường còn kém thì nguy cơ thất bại của các doanh nghiệp trên chính thị trường nội địa cũng vì thế gia tăng.

Ông Lê Tiên Trường, Tổng Giám đốc Tập đoàn dệt may Việt Nam, cho rằng áp lực cạnh tranh ở đây không chỉ có doanh nghiệp mà cả khu vực quản lý nhà nước, gồm cả thể chế và con người.

Tiến sĩ Trần Đình Thiên, Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam, nhìn nhận sau khi đàm phán thành công và ký kết, thách thức hội nhập mới trở thành hiện thực đúng nghĩa. Theo ông, đây sẽ là thời điểm cần đến năng lực thực thi, năng lực hội nhập thực tế, là những thứ mà Việt Nam còn “yếu và thiếu”, do vậy vẫn còn nhiều việc phải làm.

Theo chuyên gia này, vấn đề mấu chốt là phải tích cực chuẩn bị các năng lực thực thi để tuân thủ và năng lực vận hành để đáp ứng các điều kiện khắt khe, đòi hỏi rất cao của một hiệp định được coi là tiên bộ nhất.

Ông cho rằng đây là vấn đề năng lực bộ máy, năng lực con người, hệ thống luật lệ, chính sách và cơ chế bảo đảm sự tương thích, nguồn nhân lực, lực lượng doanh nghiệp. Đó là khối lượng công việc rất lớn và phức tạp, với những chất lượng rất mới. Nghĩa là phải hành động theo tư duy đổi mới mạnh mẽ, với tinh thần cải cách cơ cấu triệt để và xây dựng thể chế vượt trội”.

Bên cạnh cơ hội mang lại, CPTPP là thách thức đối với các nhóm ngành phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa với kim ngạch nhập khẩu lớn từ các nước tham gia hiệp định như ngành đồ gia dụng, ngũ cốc...

1.3. Các nghiên cứu trước đây về nhận thức hội nhập kinh tế quốc tế nói chung và CPTPP nói riêng của doanh nghiệp

Gabriel Baffour Awuah, Mohamed Amal (2018), “*Impact of globalization: the ability of less developed countries’ (LDCs) firms to cope with opportunities and challenges*”. Mục đích của nghiên cứu này là góp phần bàn luận về tác động của toàn cầu hóa đối với khả năng cạnh tranh của các công ty ở các nước kém phát triển (LDCs). Hai câu hỏi nghiên cứu chính sẽ được giải quyết. Toàn cầu hóa ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNNVV) trong LDC như thế nào? Làm thế nào các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể xử lý các cơ hội và thách thức đang nổi lên từ toàn cầu hóa?

Nilmini Nickramansingle and Sushil K. Sharma (2011), “*Key factors that hinder SMES in succeeding in today’s knowledge-based economy*”. Thị trường ảo đang nhanh chóng thúc đẩy sự phát triển của các mô hình kinh doanh mới đòi hỏi phải

cơ cấu lại chuỗi giá trị của họ cho các doanh nghiệp hiện tại. Để trở thành một người chơi trong lĩnh vực cạnh tranh này, cần phải đầu tư lớn về nhân sự và cơ sở hạ tầng. Những rào cản về công nghệ, tổ chức và tiếp thị cũng đang khiến các doanh nghiệp vừa và nhỏ khó thành công hơn trong các nền kinh tế dựa trên tri thức. Nhóm tác giả đã mô tả nhiều yếu tố chính đang cản trở sự thành công của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nền kinh tế dựa trên tri thức ngày nay.

Giản Tư Trung và các tác giả (2015), “*Nhận thức hội nhập kinh tế quốc tế của doanh nghiệp Việt Nam*”, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát, phân tích và tổng hợp số liệu từ 493 doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam về hội nhập nói chung, nhận thức về từng hiệp định riêng lẻ, chiến lược, năng lực hội nhập ở cấp khu vực và trong nước. Kết quả nghiên cứu đã đưa ra cơ sở dữ liệu khách quan và khoa học nhằm giúp các nhà hoạch định chính sách, các cơ quan báo chí, các nhà nghiên cứu và cộng đồng doanh nghiệp có thêm góc nhìn về nhận thức hội nhập của doanh nghiệp Việt Nam.

Nguyễn Thế Bình (2015), “*30 năm hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam: Thành tựu, thách thức và những bài học*”, tác giả đã phân tích, tổng kết những thành tựu mà hội nhập kinh tế quốc tế đem lại, đồng thời đưa ra những nhận diện về thuận lợi và khó khăn mà Việt Nam phải đối mặt, qua đó có những đề xuất trong đổi mới trong tư duy, trong hành động nhằm xác lập thế và lực mới của Việt Nam trên trường quốc tế.

Trần Du Lịch (2018), “*So với TPP, Việt Nam tham gia CPTPP còn tốt hơn nhiều*”, đã chỉ ra những cơ hội và những lưu ý khi doanh nghiệp gia nhập CPTPP.

Trường Doanh nhân PACE phối hợp với Viện IRED (năm 2015), “*Nhận thức hội nhập kinh tế quốc tế của Doanh nghiệp Việt Nam*”. Nghiên cứu này được thực hiện và hoàn tất trong bối cảnh Việt Nam vừa kết thúc đàm phán Hiệp định Đối tác Kinh tế Xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) chuẩn bị chính thức thành lập vào ngày 31/12/2015. Đây được xem là hai trong số những sự kiện kinh tế có thể ảnh hưởng lớn đến tương lai kinh tế VN. Phương pháp nghiên cứu điều tra khảo sát được áp dụng với kỹ thuật nghiên cứu chủ yếu là định lượng thể hiện qua công cụ bảng hỏi và định tính qua công cụ phỏng vấn sâu một số doanh nhân nhằm làm rõ thêm một số kết quả thu thập được từ dữ liệu định lượng. Nghiên cứu nhằm mô tả và định vị nhận thức hội nhập kinh tế quốc tế và những yếu tố ảnh hưởng

đến nhận thức hội nhập kinh tế của doanh nghiệp Việt Nam cũng như các yếu tố tác động của hội nhập đến doanh nghiệp Việt Nam. Mục tiêu trên hết của nghiên cứu nhằm cảnh tỉnh, từ đó thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam hoàn thiện bản thân về mặt nhận thức và chiến lược hành động để hội nhập tốt trước mắt vào TPP và AEC; xa hơn nữa là các hiệp định kinh tế quốc tế khác trong tương lai. Kết quả nghiên cứu đã cung cấp những dẫn chứng khách quan và khoa học về thực trạng nhận thức của doanh nghiệp Việt Nam về hội nhập kinh tế và các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức hội nhập. Nghiên cứu khảo sát này có thể được xem là nghiên cứu đầu tiên của Việt Nam tìm hiểu sâu và tương đối toàn diện về nhận thức hội nhập của doanh nghiệp Việt Nam thể hiện qua mức độ quan tâm, sự hiểu biết đối với những nội dung quan trọng của cả ba hiệp định kinh tế quốc tế mang tính khu vực (AEC, TPP) và toàn cầu (WTO). Mặc dù đề tài nghiên cứu còn một số điểm hạn chế như phương pháp chọn mẫu phi xác suất (thiếu tính đại diện cao trên phạm vi cả nước) và dữ liệu định tính còn hạn chế (chỉ thu thập từ một số lượng khá nhỏ các cuộc phỏng vấn các doanh nhân), nhưng những kết quả quan trọng và nổi bật trên đây cho thấy nhận thức hội nhập của doanh nghiệp Việt Nam còn rất hạn chế, mơ hồ và tư thế hội nhập thiếu sự chủ động, đặc biệt trong bối cảnh đòi hỏi hội nhập sâu rộng như hiện nay.

Các khảo sát khác tập trung khám phá nhận thức của doanh nghiệp Việt Nam đối với hội nhập kinh tế thông qua một hiệp định cụ thể. Chẳng hạn, TPP trong nghiên cứu về chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam năm 2014 (PCI) do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAIDS) chủ trì, công bố tháng 05/2015; hay AEC trong khảo sát của Viện Nghiên cứu Đông Nam Á (Institute of Southeast Asian Studies), công bố năm 2013 và nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Phát triển Tp. HCM, công bố đầu năm 2015.

Đinh Bá Hùng Anh và Tô Ngọc Hoàng Kim (2017), “*Nghiên cứu khoa học trong kinh tế - xã hội*”, đã đưa ra mô hình lý thuyết nghiên cứu có 8 yếu tố về cơ hội và thách thức khi hội nhập kinh tế quốc tế đối với doanh nghiệp đó là: lao động, đầu tư, thị trường chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm quản lý, thách thức cạnh tranh, phụ thuộc, bản sắc văn hóa.

CHƯƠNG II: ĐÁNH GIÁ NHẬN THỨC CỦA DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ VỀ CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC SAU KHI GIA NHẬP CPTPP

2.1. Khái quát về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế

- Về điều kiện tự nhiên:

* Vị trí địa lý: Tỉnh Thừa Thiên Huế nằm ở duyên hải miền trung Việt Nam bao gồm phần đất liền và phần lãnh hải thuộc thêm lục địa biển Đông. Thừa Thiên Huế có chung ranh giới đất liền với tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (có 81 km biên giới với Lào) và giáp biển Đông. Thừa Thiên Huế nằm trên trục giao thông quan trọng xuyên Bắc-Nam, trục hành lang Đông - Tây nối Thái Lan - Lào - Việt Nam theo đường 9. Thừa Thiên Huế ở vào vị trí trung độ của cả nước, nằm giữa thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là hai trung tâm lớn của hai vùng kinh tế phát triển nhất nước ta. Thừa Thiên Huế cách Hà Nội 660 km, cách thành phố Hồ Chí Minh 1.080 km. - Bờ biển của tỉnh dài 120 km, có cảng Thuận An và vịnh Chân Mây với độ sâu 18 - 20m đủ điều kiện xây dựng cảng nước sâu với công suất lớn, có cảng hàng không Phú Bài nằm trên đường quốc lộ 1A và đường sắt xuyên Việt chạy dọc theo tỉnh. Trên thêm lục địa biển Đông ở về phía Đông Bắc cách mũi cửa Khém nơi gần nhất khoảng 600m có đảo Sơn Chà. Tuy diện tích đảo không lớn (khoảng 160ha), nhưng có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ an ninh quốc phòng đối với nước ta nói chung và tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng.

* Khí hậu, thời tiết: Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cho nên thời tiết diễn ra theo chu kỳ 4 mùa, mùa xuân mát mẻ, ẩm áp; mùa hè nóng bức; mùa thu dịu và mùa đông gió rét. Nhiệt độ trung bình cả năm 25°C. Số giờ nắng cả năm là 2000 giờ. Mùa du lịch đẹp nhất từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau.

* Đặc điểm địa hình: Địa hình Thừa Thiên Huế có cấu tạo dạng bậc khá rõ rệt. Địa hình núi chiếm khoảng 1/4 diện tích, từ biên giới Việt - Lào và kéo dài đến thành phố Đà Nẵng. Địa hình trung du chiếm khoảng 1/2 diện tích, độ cao phần lớn dưới 500 m, có đặc điểm chủ yếu là đỉnh rộng, sườn thoải và phần lớn là đồi bát úp, với chiều rộng vài trăm mét. Đồng bằng Thừa Thiên Huế điển hình cho kiểu đồng bằng mài mòn, tích tụ, có cồn cát, đầm phá. Diện tích vùng đồng bằng chiếm khoảng 1.400 km².



Hình 2.1: Bản đồ hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế

Nguồn: www.thuathienhue.gov.vn

* Tiềm năng nổi bật:

+ Tài nguyên đất: Thừa Thiên Huế có tổng diện tích tự nhiên là 505.399 ha, trong đó diện tích đất là 468.275 ha; hồ, ao, đầm, sông suối, núi đá là 37.124 ha. Đất đồi núi chiếm trên 3/4 tổng diện tích tự nhiên, còn đất đồng bằng duyên hải chỉ dưới 1/5 tổng diện tích tự nhiên của tỉnh.

Đất đai tại đây khá đa dạng, được hình thành từ 10 nhóm đất khác nhau. Nhóm đất đỏ vàng có diện tích lớn nhất với 347.431ha, chiếm 68,7% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích đất bằng bao gồm đất thung lũng chỉ có 98.882 ha, chiếm 19,5% diện tích tự nhiên của tỉnh. Trong đó diện tích đất cần cải tạo bao gồm: đất cồn cát, bãi cát và đất cát biển; nhóm đất phèn ít và trung bình, mặn nhiều; nhóm đất mặn; nhóm đất phù sa úng nước, đất lầy và đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ có đến 59.440 ha, chiếm 60% diện tích đất bằng. Diện tích đất phân bố ở địa hình dốc có 369.393 ha (kể cả đất sỏi mòn tro sỏi đá).

+ Tài nguyên rừng: Tính đến năm 2002, toàn tỉnh có 228.121 ha rừng, trong đó: Diện tích rừng tự nhiên là 176.473 ha, diện tích rừng trồng là 51.648 ha. Phần lớn núi rừng tại Thừa Thiên Huế nằm ở phía tây. Vùng núi rừng thuộc vùng núi có độ cao từ 250m trở lên, chủ yếu phân bố ở phía Tây của tỉnh và kéo dài từ ranh giới Quảng Trị ở

phía Bắc đến ranh giới tỉnh Quảng Nam về phía Nam. Địa hình phức tạp, dãy Trường Sơn Bắc thuộc núi cao trung bình và núi thấp với đỉnh cao nhất là động Ngại 1.774m. Tổng diện tích vùng núi rừng chiếm khoảng 308.825ha.

+ Tài nguyên biển và ven biển: Tỉnh Thừa Thiên Huế có 120 km bờ biển, với nhiều loại hải sản, có 500 loài cá trong đó có 30-40 loài có giá trị kinh tế cao như: tôm hùm, cá chim, cá thu và các loại hải sản khác. Trữ lượng khai thác trung bình khoảng 30-35 nghìn tấn/năm. Thừa Thiên Huế có ưu thế phát triển hải sản cả 3 vùng: Vùng biển, vùng đầm phá và vùng nước ngọt ven biển; ven biển còn có những vũng, vịnh có điều kiện thuận lợi để xây dựng các cảng biển lớn như Thuận An, Chân Mây. Hệ thống đầm phá nước lợ thuộc phá Tam Giang với chiều dài 70 km, diện tích 22.000 ha là vùng đầm phá có diện tích lớn nhất Đông Nam Á, có khả năng nuôi trồng và đánh bắt nhiều loại thủy hải sản đặc biệt dành cho xuất khẩu. Những yếu tố đó tạo cho Thừa Thiên Huế có điều kiện xây dựng các mô hình khai thác tổng hợp kinh tế biển.

+ Tài nguyên du lịch: Tiềm năng du lịch của tỉnh Thừa Thiên Huế khá phong phú, đa dạng bao gồm các tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn. Cảnh quan thiên nhiên sông núi, rừng, biển rất kỳ thú và hấp dẫn với những địa danh nổi tiếng như sông Hương, núi Ngự, đèo Hải Vân, núi Bạch Mã, cửa Thuận An, bãi biển Lăng Cô, đầm phá Tam Giang... Cố đô Huế là một trong những trung tâm văn hóa lớn của Việt Nam, hiện đang lưu trữ một kho tàng vật chất đồ sộ, có quần thể di tích cố đô đã được UNESCO xếp hạng di sản văn hoá nhân loại với những công trình về kiến trúc cung đình và danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Ngoài ra, tỉnh Thừa Thiên Huế còn có hàng trăm chùa triền với kiến trúc dân tộc độc đáo và một kho tàng văn hoá phi vật chất đồ sộ với các loại hình lễ hội tôn giáo, lễ hội dân gian, lễ hội cung đình.

+ Di sản văn hóa: Thừa Thiên Huế đang gìn giữ kho tàng văn hóa phong phú, đa dạng, đặc sắc trong dòng chảy văn hóa Việt Nam. Với gần 1.000 di tích bao gồm di tích lịch sử cách mạng, di tích tôn giáo, di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích lưu niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong đó, Quần thể Di tích Cố đô Huế đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới (năm 1993).

Thừa Thiên Huế còn là nơi tập trung những di sản văn hóa phi vật thể phong phú và đa dạng, được bảo tồn, khai thác và phát huy. Từ những loại hình nghệ thuật diễn xướng cung đình bác học, nghệ thuật trang trí đến những phong tục tập quán

mang đậm những nét riêng của từng vùng đất. Trong đó, Nhã nhạc cung đình triều Nguyễn được UNESCO công nhận là Di sản phi vật thể đại diện của nhân loại (năm 2003) và đang được tích cực gìn giữ và phát huy giá trị. Các loại hình múa hát cung đình, lễ nhạc cung đình, tuồng Huế, ca Huế, ca kịch Huế và các làn điệu dân ca, dân nhạc, dân vũ đã và đang tiếp tục được đầu tư sưu tầm, khôi phục, phát huy và phát triển.

* Về kinh tế:

Chỉ số giá tiêu dùng chung toàn tỉnh tháng 9/2018 tăng 0,48% so với tháng trước, tăng 2,19% so tháng 12 năm trước và tăng 3,14% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân tăng chủ yếu do bước vào năm học mới nên một số mặt hàng phục vụ học tập tăng (6,16%), giá xăng dầu tăng nên nhóm giao thông tăng (0,93%)... Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng đầu năm 2018 tăng 3,03% so với bình quân cùng kỳ năm 2017.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa 9 tháng đầu năm 2018 ước đạt 482,88 triệu USD, tăng 24,6% so với cùng kỳ năm 2017 và đạt 85,46% kế hoạch năm. Trong đó, khu vực doanh nghiệp 100% vốn trong nước ước đạt 289,11 triệu USD, tăng 44,9% so với cùng kỳ năm 2017; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 193,077 triệu USD, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm 2017. Nhóm mặt hàng chủ lực gồm có: Nhóm hàng cần nhập khẩu ước đạt 390,141 triệu USD, tăng 16% và chiếm tỷ trọng 80,79%; nhóm hàng cần kiểm soát nhập khẩu ước đạt 10,5 triệu USD, tăng 52,9%; nhóm hàng hóa khác như thạch cao, thép, hóa chất, linh kiện điện tử, nguyên phụ liệu sản xuất bia ước đạt 82,246 triệu USD, tăng 85,11%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 9 tháng đầu năm 2018 ước tăng 7,44% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,31%; cấp nước và thu gom rác thải tăng 2,37%; công nghiệp khai khoáng tăng 2,30%; sản xuất, phân phối điện, nước đá giảm 23,85%. Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng đầu năm tăng không cao, nguyên nhân chính là do nhà máy Thủy điện A Lưới ngừng sản xuất để bảo trì máy móc từ đầu năm đến hết tháng 4/2018 đã làm chỉ số sản xuất của ngành sản xuất điện 9 tháng đầu năm giảm 35,80% so cùng kỳ. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng cao so cùng kỳ do nhiều doanh nghiệp đã đẩy nhanh sản

xuất các đơn hàng mới, nhất là các ngành chế biến thủy sản; bia; dệt may; sản xuất vật liệu xây dựng; sản phẩm từ da, hóa chất;...

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn 9 tháng 2018 ước đạt 14.400 tỷ đồng, bằng 72% KH năm, tăng 6,43% so với cùng kỳ năm trước

Trong 9 tháng đầu năm 2018 cho thấy nền kinh tế tỉnh Thừa Thiên Huế đã có những bước phát triển nhanh, bền vững, định hướng phát triển kinh tế đã được xác định đúng đắn thể hiện ở giai đoạn 2016 – 2018.

- Về văn hóa – xã hội:

Thừa Thiên Huế đang gìn giữ kho tàng văn hóa phong phú, đa dạng, đặc sắc trong dòng chảy văn hóa Việt Nam. Với gần 1000 di tích bao gồm di tích lịch sử cách mạng, di tích tôn giáo, di tích lưu niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong đó, Quần thể Di tích Cố đô Huế đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa Thế giới (năm 1993).

Là nơi tập trung những di sản văn hóa phi vật thể phong phú và đa dạng, được bảo tồn, khai thác và phát huy. Từ những loại hình nghệ thuật diễn xướng cung đình bác học, nghệ thuật trang trí đến những phong tục tập quán mang đậm những nét riêng của từng vùng đất. Trong đó, Nhã nhạc cung đình triều Nguyễn được UNESCO công nhận là kiệt tác phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại (năm 2003) và đang được tích cực gìn giữ và phát huy giá trị. Các loại hình múa hát cung đình, lễ nhạc cung đình, tuồng Huế, ca Huế, ca kịch Huế và các làn điệu dân ca, dân nhạc, dân vũ đã và đang tiếp tục được đầu tư sưu tầm, khôi phục, phát huy và phát triển.

Thừa Thiên Huế cũng là vùng đất lưu giữ những giá trị nghệ thuật ẩm thực với gần 1.700 món ăn cung đình và dân gian độc đáo, hấp dẫn. Phát huy lợi thế di sản văn hóa Huế - nguồn tài nguyên quý giá, ngành kinh tế - du lịch kết hợp với những tiềm năng khác của tỉnh Thừa Thiên Huế đã có những bước phát triển khá toàn diện và bền vững, trở thành một trong những trung tâm văn hóa - du lịch lớn của cả nước, thực hiện sự liên kết phát triển với các tuyến du lịch của hành lang Đông - Tây và các điểm du lịch Phong Nha - Cố đô Huế - Hội An - Mỹ Sơn, hình thành nên “Con đường di sản miền Trung”.

Du lịch văn hóa, lễ hội ngày càng được khai thác và phát huy có hiệu quả, đây là tâm điểm thu hút một số lượng lớn các quan chức, các nhà nghiên cứu các nhà khoa

học, các vận động viên, khách tham quan trong và ngoài nước đến tham dự các hội nghị, các giải thi đấu thể thao và tham quan du lịch. Chính nhờ hiệu quả kinh doanh dịch vụ du lịch nên Thừa Thiên Huế cũng là địa bàn thu hút các nhà đầu tư, có nhiều chương trình hợp tác được triển khai, trong đó có những dự án đầu tư du lịch trên 1 tỷ USD.

Không chỉ là vùng đất mang đậm nét văn hóa đặc sắc của phương Đông, Thừa Thiên Huế còn là một vùng đất có nhiều nguồn lực và tiềm năng thu hút đầu tư phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Đô thị Huế đang từng bước khẳng định là Thành phố du lịch, Thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam.

* Về an sinh xã hội: Dự ước giải quyết việc làm mới cho hơn 16.500 lao động, vượt 200 lao động so với kế hoạch và bằng cùng kỳ; dự ước đến cuối năm sẽ đưa khoảng 900 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (tăng hơn 200 so với năm 2017), đạt gần gấp đôi kế hoạch đề ra. Ước tuyển sinh 19.000 lao động, đạt 100% kế hoạch đề ra đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đến cuối năm 2018 đạt 62%. Dự kiến cuối năm 2018 tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm từ 5,98% xuống còn 4,92% (giảm 1,06%), tương ứng khoảng 3.120 hộ thoát nghèo.

Quá trình đô thị hóa của tỉnh trong những năm qua diễn ra khá mạnh mẽ. Nền kinh tế tăng trưởng khá nhanh và toàn diện. Hơn thế nữa, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng khu vực sản xuất công nghiệp và thương mại - dịch vụ. Do đó việc lượng tăng dân số cơ học của huyện quá nhanh tạo ra sức ép về cơ sở hạ tầng, giao thông, nhà ở, giáo dục, y tế và an ninh trật tự, quản lý xã hội, chính sách cư trú; phạm pháp hình sự, các tệ nạn xã hội có hướng gia tăng. Quá trình tác động của đô thị hóa làm cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp dần bị thu hẹp, thay vào đó là nhà cửa mọc lên san sát; nhà xây dựng không phép, trái phép, sai phép vẫn còn tồn tại nhiều trên địa bàn huyện. Để đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý nhà nước và phục vụ tốt nhất nhu cầu của người dân và doanh nghiệp, lãnh đạo huyện luôn coi công tác CCHC vừa là mục tiêu, vừa là giải pháp quan trọng để thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội; góp phần phòng ngừa và hạn chế tham nhũng, tiêu cực trong bộ máy chính quyền.

Hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế - xã hội vẫn còn những hạn chế, yếu kém:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế còn thấp (đạt 6,12%, thấp hơn nhiều so với mức tăng 6 tháng đầu năm 2017). Quy mô nền kinh tế còn quá nhỏ. Chỉ riêng nhà máy thủy điện A Lưới (công suất 170MW) dừng hoạt động để bảo trì trong các tháng đầu năm đã tác động làm giảm gần 1% tốc độ tăng trưởng.

Khu vực dịch vụ, mặc dù lượt khách tăng cao nhưng ngày khách lưu trú bình quân có xu hướng giảm, chỉ đạt 1,76 ngày/lượt khách. Nguyên nhân là do chỉ mới tập trung khai thác một số dịch vụ thông thường, thiếu các dịch vụ cao cấp, chất lượng cao để giữ chân du khách lâu hơn.

Cơ cấu nội bộ ngành kinh tế dịch vụ chuyển biến chậm, các phân ngành dịch vụ quan trọng như y tế, giáo dục, tài chính, viễn thông, CNTT,... chưa đủ mạnh, tương xứng với tiềm năng, lợi thế hiện có.

- Mặc dù Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết rà soát, giám sát tiến độ các dự án ngoài ngân sách và các sở, ngành đã tích cực đôn đốc, hỗ trợ; nhưng nhìn chung tiến độ đầu tư các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách còn chậm, chưa đạt như kỳ vọng đã đề ra.

- Công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tuy có bước cải thiện nhưng vẫn chưa theo kịp các tỉnh, thành phố lớn trong cả nước.

- Tiến độ xây dựng các đề án đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao hiệu quả các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) của các sở, ngành, địa phương còn chậm.

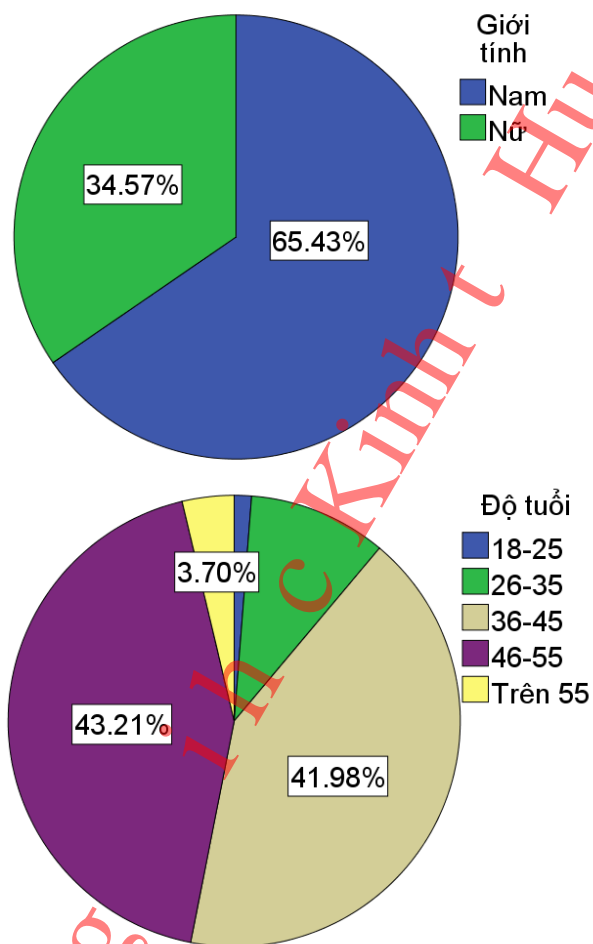
2.2. Nhận thức của doanh nghiệp xuất nhập khẩu ở tỉnh Thừa Thiên Huế về cơ hội và thách thức khi gia nhập CPTPP

2.2.1. Mô tả mẫu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên thuận tiện, đối tượng nghiên cứu là các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Kế thừa các nghiên cứu trong và ngoài nước, mẫu bảng hỏi được thiết kế bao gồm nhiều câu hỏi nhỏ và câu hỏi mở, nhằm phân tích, đánh giá nhận thức của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn, số bảng hỏi được phát ra là 100, thu về được 87 và số bảng hỏi đạt yêu cầu đưa vào nghiên cứu là 81 bảng. Các

bảng hỏi không đạt yêu cầu chủ yếu do các thông tin chưa được trả lời đầy đủ hay được điền đầy đủ tuy nhiên đối tượng trả lời không đúng.

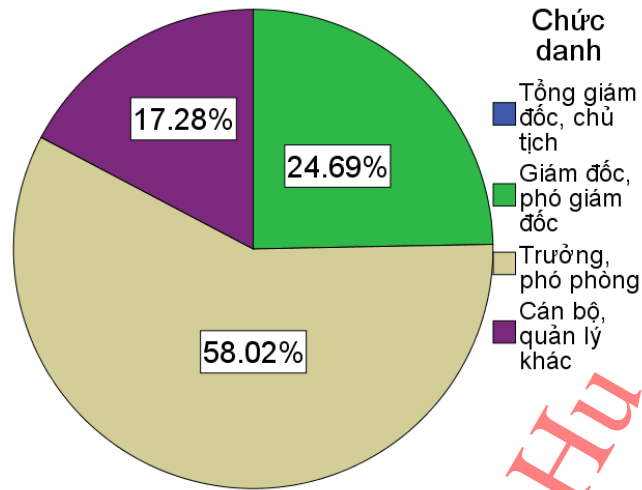
Mẫu nghiên cứu là các đáp viên đại diện cho doanh nghiệp, với tỷ lệ giới tính là 65,43% nam và 34,57% nữ. Phần lớn đáp viên trong có độ tuổi từ 46-55 (43,21%) và độ tuổi từ 36-45 (41,98%).



Biểu đồ 2.1: Giới tính và độ tuổi của mẫu khảo sát

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của tác giả

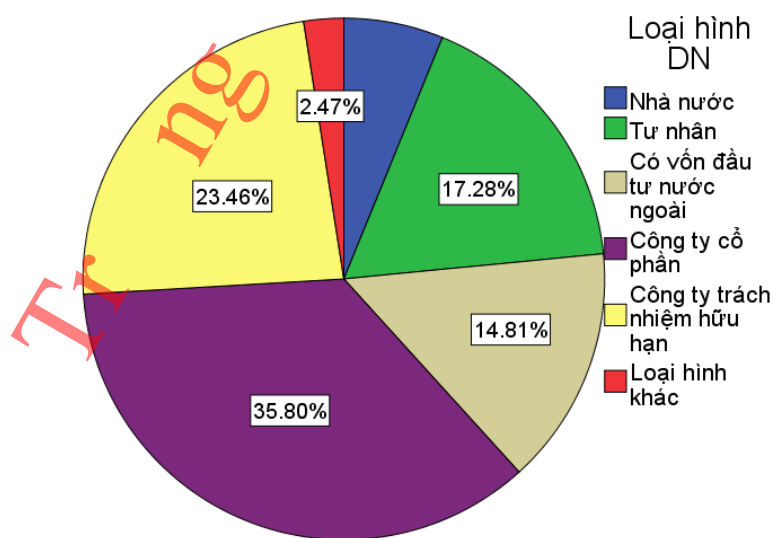
Đa số đáp viên là Trưởng/phó phòng (58,02%) và có 24,69% là giám đốc/phó giám đốc còn lại là cán bộ, quản lý khác (17,28%).

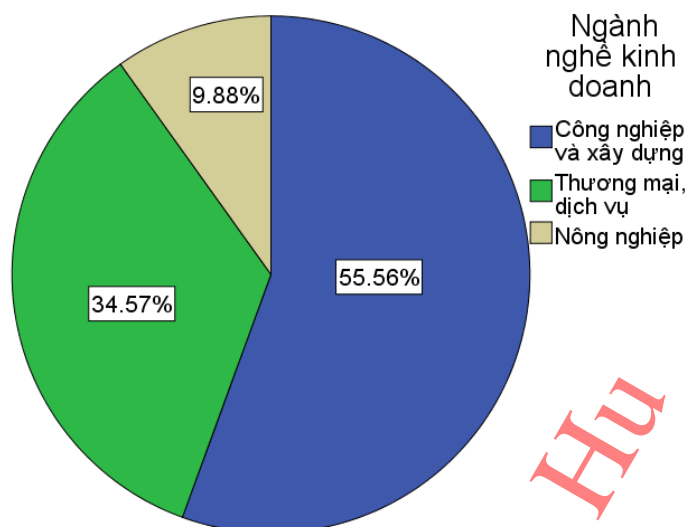


Biểu đồ 2.2: Chức danh của mẫu khảo sát

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của tác giả

Loại hình doanh nghiệp được khảo sát là công ty trách nhiệm hữu hạn (35,80%), công ty cổ phần (23,46%), doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (17,28%), còn lại là doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhà nước và loại hình khác. Đa số doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng (55,56%); thương mại, dịch vụ (34,57%) và nông nghiệp (9,88%). Doanh nghiệp được hỏi hầu hết có quy mô nhỏ và vừa, với số lao động từ 100-200 (34,57%) và dưới 100 lao động (20,99%); doanh nghiệp có số lao động trên 500 chiếm 24,68% và quy mô từ 201 - 500 lao động chiếm 19,75%.





Biểu đồ 2.3: Loại hình và ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của tác giả

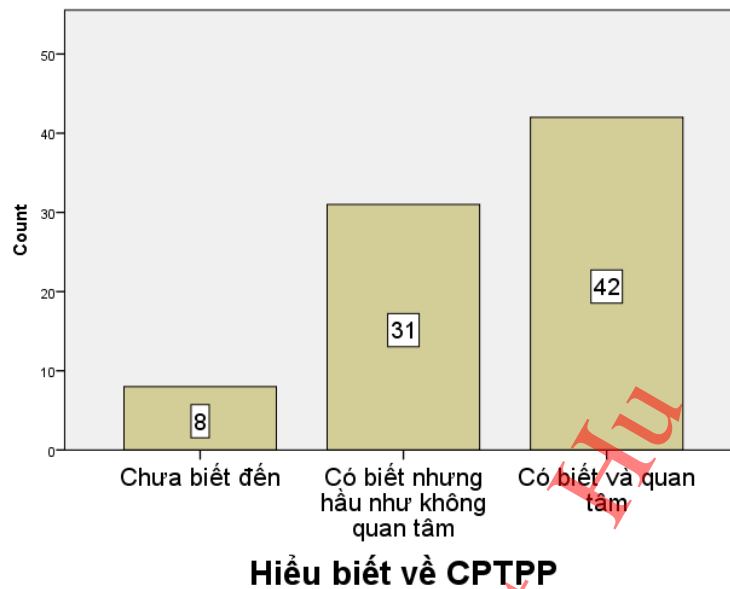
Tóm lại, đáp viên đại diện cho doanh nghiệp đa số là nam, có độ tuổi từ 36 tuổi trở lên, chức vụ chủ yếu là trưởng/ phó phòng hoặc giám đốc/phó giám đốc; đây là những đáp viên có tuổi đời, kinh nghiệm, năng lực tốt nên mang tính đại diện cao cho mẫu khảo sát. Loại hình doanh nghiệp được khảo sát phần lớn là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, thương mại và dịch vụ.

2.2.2. Phân tích sự hiểu biết và nhận thức của doanh nghiệp xuất nhập khẩu ở tỉnh Thừa Thiên Huế về cơ hội và thách thức sau khi gia nhập CPTPP

2.2.2.1. Sự hiểu biết của doanh nghiệp xuất nhập khẩu ở tỉnh Thừa Thiên Huế về CPTPP

*** Mức độ quan tâm đến CPTPP**

Các doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu ở tỉnh Thừa Thiên Huế ít quan tâm đến hiệp định CPTPP. Có 9,88%, doanh nghiệp chưa biết đến CPTPP và 38,27,2% có biết đến nhưng hầu như không quan tâm. Với đa số doanh nghiệp được khảo sát có hoạt động xuất nhập khẩu thì mức độ hiểu biết về CPTPP như vậy còn thấp.



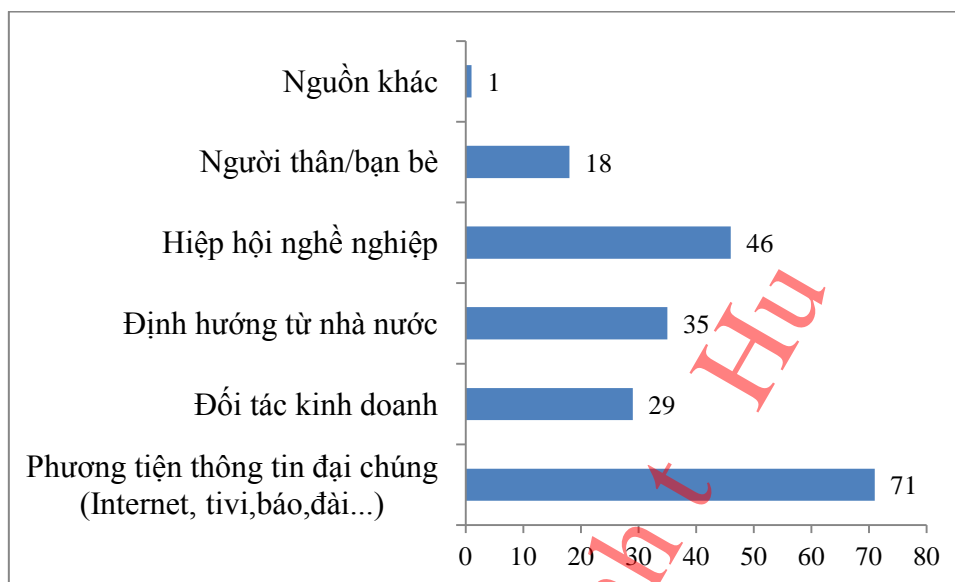
Biểu đồ 2.4: Mức độ quan tâm và hiểu biết của doanh nghiệp về CPTPP

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của tác giả

*** Kênh thông tin để doanh nghiệp biết đến CPTPP**

Đa số các doanh nghiệp biết đến CPTPP thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (xem tivi, nghe đài, đọc báo...) với 71 doanh nghiệp (97,3%), tiếp đến là qua các hiệp hội nghề nghiệp 46 doanh nghiệp (63%); còn lại là từ định hướng nhà nước với 35 doanh nghiệp (47,9%), từ đối tác kinh doanh (39,7%), từ bạn bè/người thân (24,7%) và nguồn khác (1,4%). Nhìn chung, các doanh nghiệp biết đến thông tin về CPTPP qua các phương tiện truyền thông, đặc biệt là giai đoạn đầu năm 2019 khi hiệp định có hiệu lực tại Việt Nam, tuy nhiên đến khoảng hai tháng cuối năm mật độ thông tin về CPTPP trên các phương tiện truyền thông giảm hẳn; do đó, các cơ quan truyền thông, các nhà hoạch định chính sách cần quan tâm tăng cường quảng bá về CPTPP hơn nữa. Giai đoạn vừa qua, các cơ quan quản lý nhà nước mà điển hình là Sở Công thương đã có tổ chức các hội thảo, hội nghị liên quan đến hiệp định CPTPP như hội nghị phổ biến quy định về xuất xứ hàng hóa theo Thông tư số 03/2019/TT-BCT của Bộ Công thương vào tháng 7/2019 với hơn 100 doanh nghiệp tham dự, hay hội thảo khoa học quốc gia về CPTPP được Liên đoàn lao động tỉnh, phối hợp với trường đại học Luật Huế tổ chức vào tháng 8/2018; tuy nhiên số lượng hội nghị, hội thảo còn ít và số doanh nghiệp tham gia còn hạn chế, thiết nghĩ các cơ quan quản lý nhà nước, các

nhà hoạch định chính sách cần duy trì và tổ chức thêm nhiều hội nghị, hội thảo đề cùng doanh nghiệp hội nhập sâu rộng vào hiệp định CPTPP.

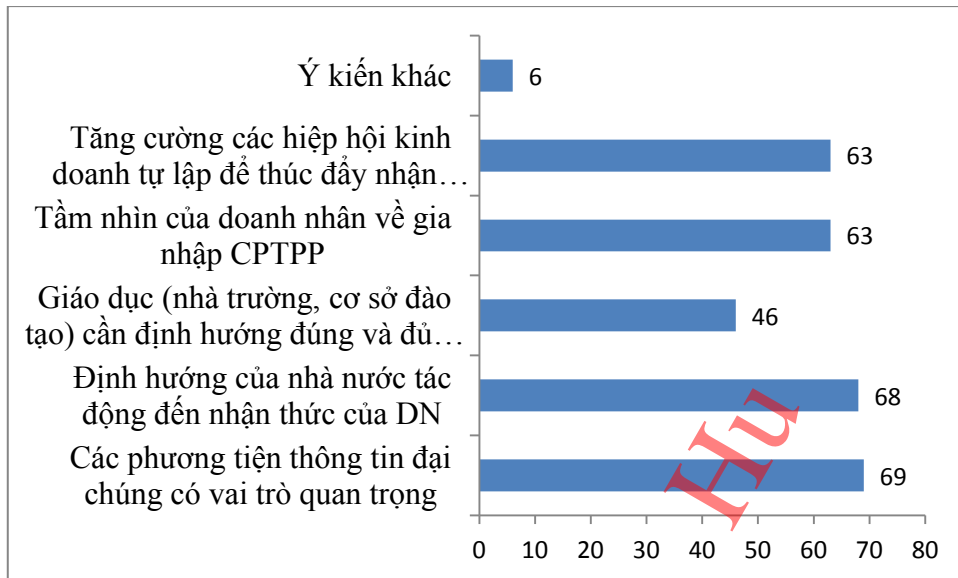


Biểu đồ 2.5: Kênh thông tin về CPTPP

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của tác giả

* Các nhân tố chủ yếu thúc đẩy nhận thức của doanh nghiệp về CPTPP

Theo khảo sát, có 4 nhân tố được các doanh nghiệp đánh giá quan trọng ảnh hưởng đến nhận thức của doanh nghiệp về CPTPP đó là: phương tiện thông tin đại chúng (internet, tivi, báo, đài...) là yếu tố quan trọng nhất tác động đến nhận thức của doanh nghiệp về CPTPP với 94,5% doanh nghiệp chọn, tiếp đến là định hướng của nhà nước cũng tác động lớn đến nhận thức của doanh nghiệp (93,2%). Mặc khác, chính doanh nghiệp cũng cho rằng phải tự nâng cao nhận thức, mở rộng tầm nhìn của doanh nghiệp về hội nhập, chủ động tìm hiểu CPTPP (86,3%) mới có thể thành công khi gia nhập CPTPP, đồng thời, cần tăng cường hoạt động của các hiệp hội kinh doanh tự lập để thúc đẩy nhận thức hội nhập (86,3%). Nhiều doanh nghiệp cũng cho rằng sự định hướng đúng và đủ về hội nhập của của nhà trường, cơ sở đào tạo... cũng có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nhận thức của doanh nghiệp về CPTPP (63%), một số ý kiến khác cho rằng chính sự cảnh tỉnh của đối tác, của xã hội về CPTPP là động lực để doanh nghiệp tìm hiểu về hiệp định này. Vậy làm thế nào để doanh nghiệp biết đến CPTPP nhiều hơn để họ có thể tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức khi hội nhập là điều mà các cơ quan quản lý nhà nước, các nhà hoạch định chính sách, cơ quan báo chí, các cơ sở giáo dục, đào tạo... cần quan tâm.

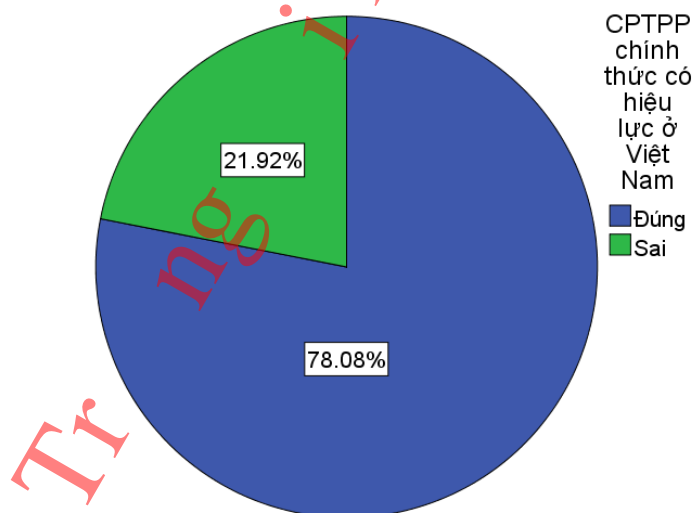


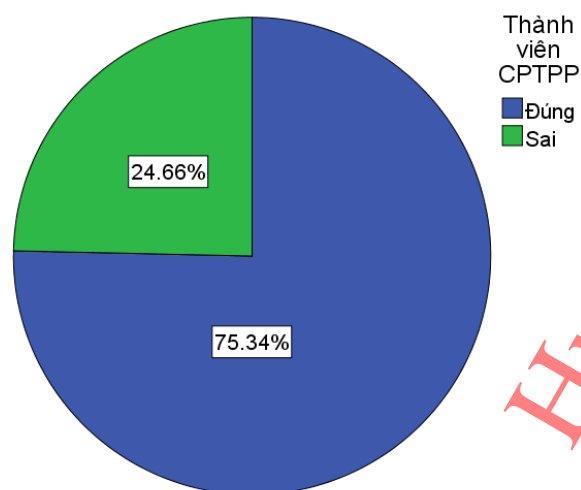
Biểu đồ 2.6: Các nhân tố thúc đẩy nhận thức của doanh nghiệp về CPTPP

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của tác giả

*** Hiểu biết về các nội dung cụ thể của CPTPP**

Kết quả khảo sát cho thấy có 21,9% doanh nghiệp trả lời sai về năm CPTPP chính thức có hiệu lực ở Việt Nam và 24,7% doanh nghiệp trả lời sai về các thành viên của CPTPP. Điều này cho thấy có nhiều doanh nghiệp chỉ đến đến tên của hiệp định CPTPP và chưa quan tâm nhiều đến nội dung của hiệp định.





Biểu đồ 2.7: Hiểu biết về năm hiệu lực và thành viên của CPTPP

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của tác giả

Đa số các doanh nghiệp chỉ nhận biết chưa đến một nửa các mục tiêu cơ bản của CPTPP. Nhìn chung, doanh nghiệp chỉ chú ý đến việc xóa bỏ và cắt giảm thuế quan xuất nhập khẩu, mở rộng thị trường hàng hóa và dịch vụ với các thành viên CPTPP hiện tại và tương lai. Tuy nhiên, các doanh nghiệp hầu như vẫn chưa nhận thức được các yêu cầu về vệ sinh dịch tễ và rào cản kỹ thuật (49,3%), các quy định về sở hữu trí tuệ, bảo vệ quyền lợi người lao động.

Bảng 2.1: Nhận thức về các mục tiêu cơ bản của hiệp định CPTPP

Mục tiêu của hiệp định CPTPP	Lựa chọn		Tổng (%)
	N	%	
Tăng cường các quy định liên quan đến đầu tư nước ngoài	48	16,1	65,8
Mở rộng thị trường hàng hóa và dịch vụ với các thành viên CPTPP hiện tại và tương lai	62	20,7	84,9
Siết chặt các yêu cầu về vệ sinh dịch tễ và rào cản kỹ thuật	36	12,0	49,3
Xóa bỏ và cắt giảm thuế quan xuất nhập khẩu giữa các nước thành viên	68	22,7	93,2
Tăng cường mức độ bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ cao hơn so với mức trong WTO	30	10,0	41,1
Các quy định đảm bảo quyền lợi người lao động	26	8,7	35,6
Nắm bắt cơ hội khai thác chuỗi sản xuất và	29	9,7	39,7

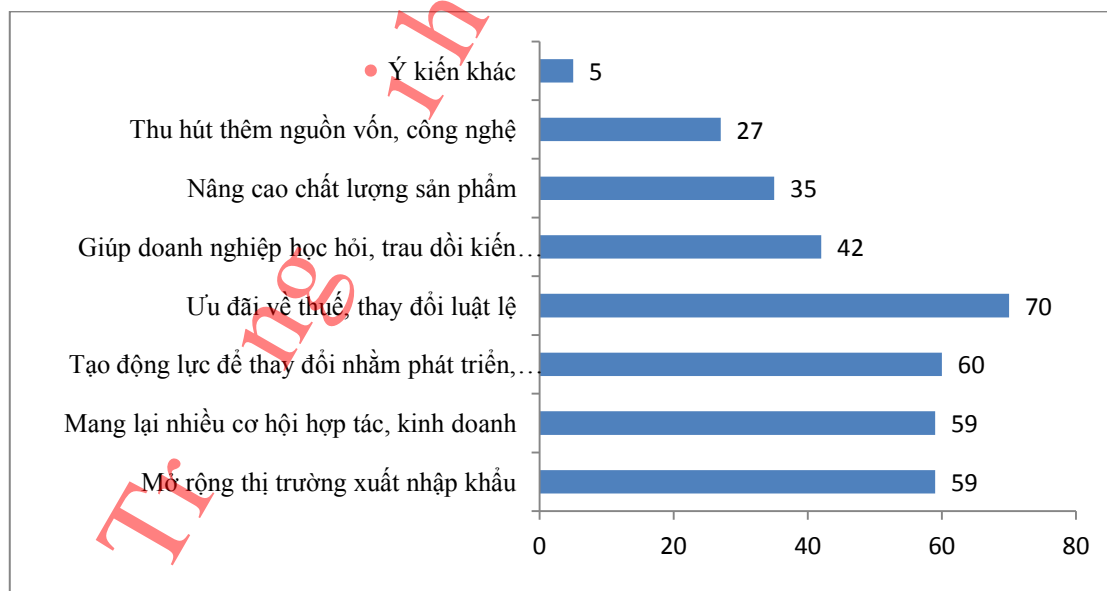
cung ứng toàn cầu			
Tổng	299	100,0	409,6

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu từ SPSS

2.2.2.2. Nhận thức của doanh nghiệp xuất nhập khẩu ở tỉnh Thừa Thiên Huế về cơ hội và thách thức sau khi gia nhập CPTPP

* Nhận thức về cơ hội khi gia nhập CPTPP

Kết quả khảo sát các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh có biết đến hiệp định CPTPP cho thấy đa số các doanh nghiệp nhận thấy cơ hội lớn nhất khi gia nhập CPTPP là ưu đãi về thuế, thay đổi luật lệ (95,9%). Bên cạnh đó, đa số các doanh nghiệp cũng nhận thức được cơ hội mà việc gia nhập CPTPP mang lại đó là tạo động lực để doanh nghiệp thay đổi nhằm phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế (82,2%), mở rộng thị trường xuất nhập khẩu (80,8%), mang lại nhiều cơ hội hợp tác, kinh doanh (80,8%), giúp doanh nghiệp học hỏi, trau dồi kiến thức mới (57,5%). Tuy nhiên, những nhận thức khác liên quan đến thu hút nguồn vốn, công nghệ (37%), nâng cao chất lượng sản phẩm (47,9%) vẫn chưa được nhiều doanh nghiệp cho rằng đó là cơ hội mà CPTPP mang lại.



Biểu đồ 2.8: Nhận thức về cơ hội khi gia nhập CPTPP

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của tác giả

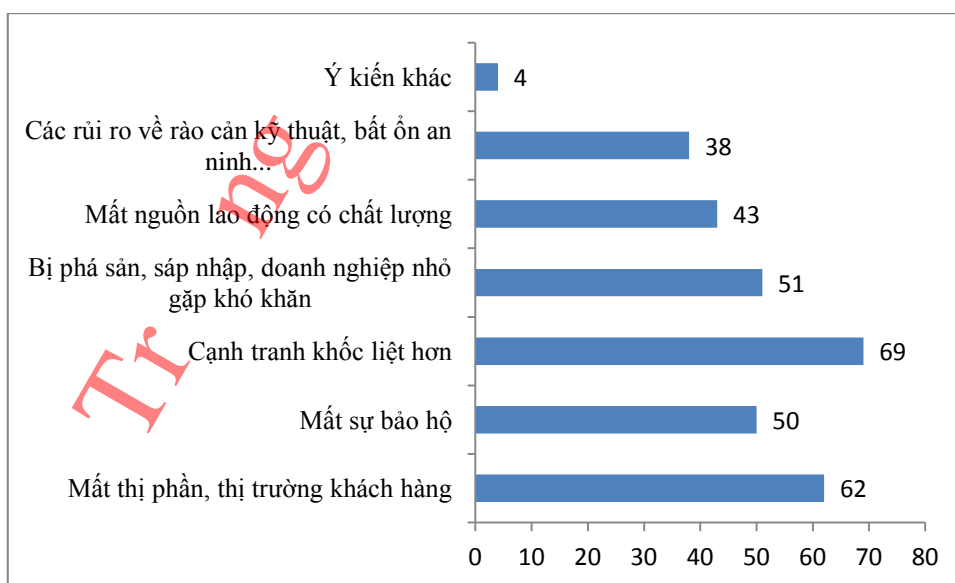
Nhìn chung, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu ở tỉnh Thừa Thiên Huế chưa nhận thức đầy đủ về các cơ hội mà CPTPP mang lại. Để tận dụng được các cơ hội mà CPTPP mang lại cho các doanh nghiệp trên địa bàn thì doanh nghiệp cần thay đổi tư

duy kinh doanh trong bối cảnh mới, lấy sức ép về cạnh tranh là động lực để đổi mới và phát triển, mà trước hết là doanh nghiệp cần nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe hơn của các điều khoản trong CPTPP. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng cần nhận rõ được cơ hội thu hút nguồn vốn, công nghệ mà CPTPP mang lại. CPTPP chắc chắn sẽ mang lại cơ hội cho doanh nghiệp nào chủ động đáp ứng với những thay đổi về môi trường kinh doanh do quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mang lại, nhằm tận dụng hiệu quả nguồn vốn và việc chuyển giao công nghệ từ các tập đoàn lớn.

Ngoài ra, gia nhập CPTPP là cơ hội tốt để các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Thừa Thiên Huế nói riêng tham gia sâu hơn nữa vào chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu.

* Nhận thức về thách thức khi gia nhập CPTPP

Tiếp tục khảo sát những doanh nghiệp có biết đến CPTPP, đa số doanh nghiệp chỉ nhận thấy việc gia nhập CPTPP sẽ làm cho cạnh tranh trở nên khốc liệt hơn (94,5%), mất thị phần, thị trường khách hàng (84,9%), tăng nguy cơ bị phá sản, sáp nhập, doanh nghiệp nhỏ gặp khó khăn (69,9%), mất sự bảo hộ (68,5%), . Tuy nhiên, một vấn đề rất quan trọng, là thách thức không nhỏ, đang cản trở các doanh nghiệp hiện nay đó là các rào cản về kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm thì các doanh nghiệp vẫn chưa thực sự nhận thức được (52,1%).



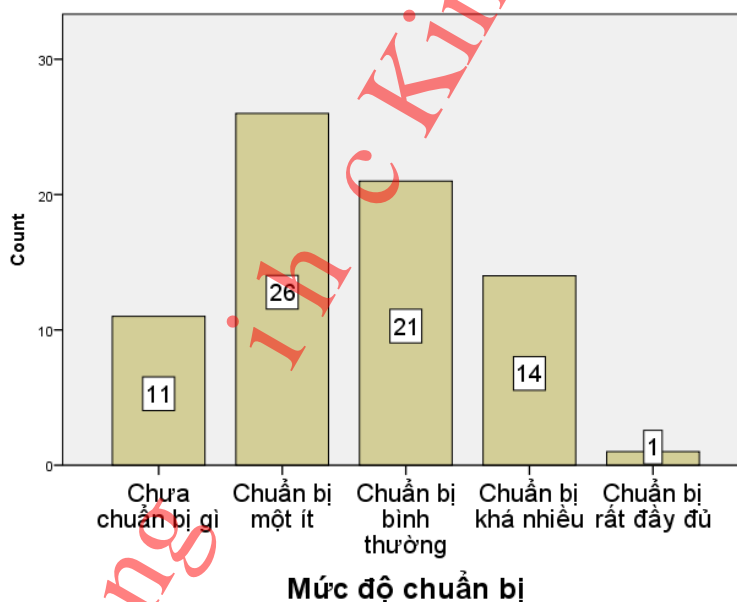
Biểu đồ 2.9: Nhận thức về thách thức khi gia nhập CPTPP

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của tác giả

Nhìn chung, các doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn đánh giá cao sự cạnh tranh khốc liệt mà CPTPP mang lại, tuy nhiên doanh nghiệp cần biến sức ép cạnh tranh thành động lực để từ đó cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu về rào cản kỹ thuật, vệ sinh dịch tễ, xuất xứ hàng hóa... mà CPTPP đề ra, xem cạnh tranh là thách thức đồng thời cũng là cơ hội mà CPTPP mang lại để doanh nghiệp có thể đổi mới, nhằm phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra ngày càng sâu rộng hiện nay.

*** Mức độ chuẩn bị của doanh nghiệp đối với việc hội nhập CPTPP**

Kết quả khảo sát cho thấy chỉ có một doanh nghiệp chuẩn bị rất đầy đủ cho việc gia nhập CPTPP (1,4%), 19,2% doanh nghiệp chuẩn bị khá nhiều, còn lại có đến 15,1% doanh nghiệp chưa chuẩn bị gì, phần lớn các doanh nghiệp chỉ chuẩn bị một ít cho việc gia nhập CPTPP (35,6%) và chuẩn bị bình thường (28,8%)



Biểu đồ 2.10: Mức độ chuẩn bị của doanh nghiệp

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của tác giả

Tóm lại, kết quả khảo sát cho thấy các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh vẫn chưa sẵn sàng cho việc gia nhập CPTPP, phần lớn là do doanh nghiệp chưa thực sự hiểu biết và nhận thức đầy đủ về các cơ hội và thách thức mà CPTPP mang lại. Để nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về CPTPP, ngoài nỗ lực tự tìm hiểu, chủ động hội nhập của doanh nghiệp; các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan hoạch định chính sách, cơ quan báo chí.... cần phối hợp chặt chẽ với doanh nghiệp, từ

đó giúp doanh nghiệp tận dụng được cơ hội, vượt qua thách thức để thành công trong thời kỳ hội nhập.

2.3. Đánh giá chung về nhận thức của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu ở tỉnh Thừa Thiên Huế về cơ hội và thách thức sau khi gia nhập CPTPP

Thứ nhất, các doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu ở tỉnh Thừa Thiên Huế ít quan tâm đến hiệp định CPTPP. Có 9,88%, doanh nghiệp chưa biết đến CPTPP và 38,27,2% có biết đến nhưng hầu như không quan tâm. Với đa số doanh nghiệp được khảo sát có hoạt động xuất nhập khẩu thì mức độ hiểu biết về CPTPP như vậy còn thấp.

Thứ hai, phương tiện thông tin đại chúng (internet, tivi, báo, đài...) là yếu tố quan trọng nhất tác động đến nhận thức của doanh nghiệp về CPTPP . 94,5% doanh nghiệp có biết đến CPTPP đồng ý rằng phương tiện truyền thông đại chúng có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nhận thức về CPTPP của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, định hướng của nhà nước cũng tác động lớn đến nhận thức của doanh nghiệp (93,2%). Vậy làm thế nào để doanh nghiệp biết đến CPTPP nhiều hơn để họ có thể tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức khi hội nhập là điều mà các cơ quan quản lý nhà nước, các nhà hoạch định chính sách, cơ quan báo chí... cần quan tâm. Mặc khác, chính doanh nghiệp cũng cho rằng phải tự nâng cao nhận thức, mở rộng tầm nhìn của doanh nghiệp về hội nhập, chủ động tìm hiểu CPTPP (86,3%) mới có thể thành công khi gia nhập CPTPP, đồng thời, cần tăng cường các hiệp hội kinh doanh tự lập để thúc đẩy nhận thức hội nhập.

Thứ ba, nhiều doanh nghiệp có biết đến CPTPP tuy nhiên vẫn chưa nhận thức đúng về các nội dung cụ thể của CPTPP. Kết quả khảo sát cho thấy có 21,9% doanh nghiệp trả lời sai về năm CPTPP chính thức có hiệu lực ở Việt Nam và 24,7% doanh nghiệp trả lời sai về các thành viên của CPTPP. Đa số các doanh nghiệp chỉ nhận biết chưa đến một nửa các mục tiêu cơ bản của CPTPP. Nhìn chung, doanh nghiệp chỉ chú ý đến việc cắt giảm hoàn toàn thuế quan xuất nhập khẩu, mở rộng thị trường hàng hóa và dịch vụ với các thành viên CPTPP hiện tại và tương lai. Tuy nhiên, các doanh nghiệp hầu như vẫn chưa nhận thức được các yêu cầu về vệ sinh dịch tễ và rào cản kỹ thuật, các quy định về sở hữu trí tuệ, bảo vệ quyền lợi người lao động.

Thứ tư, các doanh nghiệp nhận thức khá rõ các cơ hội mà CPTPP mang lại. Ưu đãi về thuế, thay đổi luật lệ là cơ hội lớn nhất cho các doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, đa số các doanh nghiệp cho rằng gia nhập CPTPP tạo động lực để doanh nghiệp thay đổi, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, mang lại nhiều cơ hội hợp tác, kinh doanh. Tuy nhiên, những nhận thức khác liên quan đến thu hút nguồn vốn, công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, giúp doanh nghiệp học hỏi, trau dồi kiến thức vẫn chưa được nhiều doanh nghiệp cho rằng đó là cơ hội mà CPTPP mang lại.

Thứ năm, các doanh nghiệp vẫn chưa nhận thức đầy đủ các thách thức mà CPTPP mang lại. Tiếp tục khảo sát những doanh nghiệp có biết đến CPTPP, đa số doanh nghiệp chỉ nhận thấy việc gia nhập CPTPP sẽ làm cho cạnh tranh trở nên khốc liệt hơn, mất thị phần, thị trường khách hàng, tăng nguy cơ bị phá sản, doanh nghiệp nhỏ gặp khó khăn. Tuy nhiên, một vấn đề rất quan trọng, là thách thức không nhỏ, đang cản trở các doanh nghiệp hiện nay đó là các rào cản về kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm thì hầu hết các doanh nghiệp chưa nhận thức được.

Thứ sáu, các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu ở tỉnh Thừa Thiên Huế vẫn chưa sẵn sàng cho việc gia nhập CPTPP. Điều này thể hiện qua việc chỉ có một doanh nghiệp chuẩn bị rất đầy đủ cho CPTPP, còn lại có đến 15,1 % doanh nghiệp chưa chuẩn bị gì, phần lớn các doanh nghiệp chỉ chuẩn bị một ít cho việc gia nhập CPTPP và chuẩn bị bình thường.

Có thể thấy, CPTPP mở ra cơ hội rất lớn cho các ngành hàng xuất khẩu chủ lực của các doanh nghiệp ở tỉnh Thừa Thiên Huế, nhưng cơ hội đó có trở thành những con số cụ thể trong gia tăng kim ngạch, giá trị xuất khẩu hay không lại là vấn đề khác, phụ thuộc rất nhiều vào năng lực tận dụng ưu đãi của các doanh nghiệp. Theo Bộ Công thương, điều kiện để được ưu đãi thuế trong một FTA kiểu mới, toàn diện như CPTPP không đơn giản bởi muốn nhận được các ưu đãi về thuế, hàng hóa Việt Nam phải đáp ứng được rất nhiều tiêu chuẩn khắt khe. Bên cạnh đó, hàng hóa Việt Nam còn phải đối mặt với rất nhiều rào cản kỹ thuật và yêu cầu xuất xứ nghiêm ngặt. Thí dụ, theo điều khoản về xuất xứ hàng hóa của CPTPP, các sản phẩm xuất khẩu trong các nước thành viên phải có xuất xứ nội khối CPTPP mới được hưởng ưu đãi. Đây là một bất lợi vì các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên địa bàn chủ yếu nhập khẩu từ các nước bên

ngoài CPTPP như Trung Quốc, Hàn Quốc để gia công hàng xuất khẩu. Nếu không chuyển đổi được vùng nguyên liệu, hàng xuất khẩu của các doanh nghiệp sẽ không được hưởng ưu đãi thuế. Ngoài ra, các quy định kỹ thuật thuộc nội khối như bao gói, nhãn mác, dư lượng hóa chất tối đa trong sản phẩm xuất khẩu cũng là một rào cản cho hàng xuất khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn. Hàng nông sản vào CPTPP có thể bị mắc ở rào cản về các biện pháp vệ sinh dịch tễ. Những quy định này nằm trong tay các nước nhập khẩu và hoàn toàn có thể là rào cản đối với hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn. Bên cạnh đó, tham gia CPTPP, Việt Nam sẽ phải mở cửa cho hàng hóa, dịch vụ của các đối tác tại thị trường trong nước, đồng nghĩa với việc các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh nói riêng phải cạnh tranh gay gắt hơn tại "sân nhà". Điều này gây nên không ít áp lực cho hàng hóa trên địa bàn và nguy cơ thất bại của các doanh nghiệp trên chính thị trường trong nước cũng vì thế sẽ gia tăng. Để có thể tận dụng được các cơ hội, vượt qua thách thức mà CPTPP mang lại, các doanh nghiệp trên địa bàn cũng như các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn cần có các biện pháp để nâng cao hơn nữa nhận thức của doanh nghiệp về CPTPP.

CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO NHẬN THỨC CỦA DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ VỀ CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC SAU KHI GIA NHẬP CPTPP

3.1. Giải pháp từ phía các doanh nghiệp xuất nhập khẩu ở tỉnh Thừa Thiên Huế

Là hiệp định thương mại tự do lớn nhất được kết thúc đàm phán trong thời gian gần đây, hiệp định CPTPP đem lại nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu ở tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng như cắt giảm thuế quan, mở cửa thị trường dịch vụ,... Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng đối mặt với những thách thức không nhỏ như hàng rào kỹ thuật thương mại, tiêu chuẩn cao về minh bạch hóa, các quy định về bảo hộ sở hữu trí tuệ..., đặc biệt các nhóm ngành phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa với kim ngạch lớn từ các nước tham gia hiệp định như ngành gia dụng, ngũ cốc.

Trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, kết quả nghiên cứu cho thấy mặc dù hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, hầu hết các doanh nghiệp được khảo sát vẫn chưa quan tâm tìm hiểu về CPTPP và chưa có sự chuẩn bị đầy đủ, chưa quan tâm đến hàng rào kỹ thuật, tiêu chuẩn vệ sinh dịch tễ, nâng cao chất lượng sản phẩm... để có thể vượt qua thách thức và tận dụng được cơ hội mà CPTPP mang lại. Một trong những thế mạnh xuất khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn là hàng dệt may, tôm đông lạnh, dăm gỗ... Tuy nhiên, các doanh nghiệp vẫn đang lúng túng trước những quy định ngặt nghèo, chông chéo về xuất xứ sản phẩm. Chẳng hạn, đối với hàng dệt may phải chấp nhận quy tắc xuất xứ cao là từ sợi mới được hưởng ưu đãi thuế quan chứ từ bông thì không. Theo điều khoản về xuất xứ hàng hóa của CPTPP, các sản phẩm xuất khẩu trong các nước thành viên phải có xuất xứ nội khối CPTPP mới được hưởng ưu đãi, đây là một bất lợi vì hầu hết các mặt hàng xuất chủ lực trên địa bàn đều chủ yếu nhập khẩu từ các nước bên ngoài CPTPP như Trung Quốc. Năm 2019, các mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc trên địa bàn đạt 35,8 triệu USD với các mặt hàng như nguyên liệu xơ sợi, dệt may..., đạt 30,68 triệu USD; máy móc, linh kiện, các sản phẩm khác như: bu lông, đai ốc, keo sika, ống mềm cao áp... đạt 5,12 triệu USD. Do vậy, để đạt được các quy tắc xuất xứ hàng hóa không phải là chuyện ngày một ngày hai tìm kiếm nguồn cung mà cần cả một chặng đường cụ thể, thậm chí phải thay đổi cả quy trình sản xuất. Do vậy, nếu các doanh nghiệp trên địa bàn chưa quan tâm tìm hiểu, chưa có hành động

cụ thể để thay đổi cách thức thì rất khó để tận dụng ưu đãi mà CPTPP mang lại. Đã đến lúc các doanh nghiệp phải thay đổi để có thể tự tin, thấu hiểu, chủ động tham gia vào CPTP với các nước, các thị trường lớn.

Để làm được điều này, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh cần chú ý đến các giải pháp sau:

Thứ nhất, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên địa bàn cần chủ động tìm hiểu thông tin về CPTPP để nắm vững cam kết của Việt Nam và các thị trường đối tác quan tâm, đặc biệt là các thông tin về các ưu đãi thuế quan theo hiệp định này đối với những mặt hàng mà doanh nghiệp đang có thế mạnh hoặc có nhiều tiềm năng xuất khẩu trong thời gian tới. Doanh nghiệp cũng cần có cái nhìn bao quát đối với hiệp định, không chỉ tìm hiểu thông tin về lĩnh vực trực tiếp liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Thứ hai, các doanh nghiệp cần thay đổi tư duy kinh doanh trong bối cảnh mới, coi sức ép cạnh tranh cũng là động lực để cải thiện sản phẩm, để học hỏi, trau dồi kiến thức nhằm phát triển. CPTPP chắc chắn sẽ mang lại cơ hội cho doanh nghiệp nào chủ động đáp ứng với những thay đổi về môi trường kinh doanh do quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mang lại, thông qua việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh trung và dài hạn nhằm thúc đẩy dòng chảy của hàng hóa vào các thị trường đối tác tiềm năng trong CPTPP.

Cuối cùng, các doanh nghiệp cần chủ động tìm kiếm, hợp tác với các thị trường, đối tác trong CPTPP để có thể thu hút được nguồn vốn đầu tư, tận dụng được việc chuyển giao công nghệ từ các tập đoàn lớn. Cuối cùng, các doanh nghiệp cũng nên chủ động phản ánh các yêu cầu, những khó khăn gặp phải trong thực tiễn khi gia nhập CPTPP để các cơ quan quản lý nhà nước được biết để cùng nhau giải quyết.

Theo khảo sát, các thông tin về CPTPP chủ yếu là do doanh nghiệp biết đến qua các phương tiện thông tin đại chúng, doanh nghiệp vẫn còn loay hoay tự tìm hiểu, chưa nhận được thông tin đầy đủ từ các hiệp hội nghề nghiệp, định hướng từ các cơ quan quản lý nhà nước. Chính vì vậy, ngoài việc doanh nghiệp tự chủ động hội nhập, các cơ quan hoạch định chính sách, các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan báo chí.... cần đẩy mạnh tuyên truyền với các doanh nghiệp về CPTPP. Sở Công thương Thừa Thiên Huế cũng cần phối hợp, hướng dẫn các doanh nghiệp về CPTPP, đồng thời

thông tin cho các doanh nghiệp tham gia vào các hội nghị, hội thảo, diễn đàn... để hiểu thêm về CPTPP. Thời gian đầu khi CPTPP có hiệu lực, rất nhiều thông tin được đưa ra, các hội thảo được tổ chức khá nhiều, nhưng giai đoạn cuối năm này hầu như không có, vì vậy cần đổi mới và tăng cường tuyên truyền về hiệp định hơn nữa.

3.2. Giải pháp từ phía cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội nghề nghiệp ở tỉnh Thừa Thiên Huế

Thứ nhất, đối với các cơ quan quản lý ngành Công Thương Thừa Thiên Huế cần đề ra các giải pháp trước mắt cũng như lâu dài về hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trong tỉnh, tránh phụ thuộc vào một thị trường (như Trung Quốc) và hướng đến xuất khẩu bền vững qua các thị trường tiềm năng như các nước CPTPP. Để làm được điều này, trước hết Sở Công Thương Thừa Thiên Huế nên tiếp tục phối hợp, hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện hiệp định CPTPP nhằm đa dạng thị trường xuất khẩu, tiến tới xuất khẩu bền vững. Thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn... về CPTPP cho nhiều doanh nghiệp tham gia.

Thứ hai, các hiệp hội nghề nghiệp ở tỉnh Thừa Thiên Huế cũng thường xuyên xúc tiến, quảng bá, trao đổi, giới thiệu... về CPTPP cho các doanh nghiệp. Hiệp hội doanh nghiệp Tỉnh Thừa Thiên Huế cần đồng hành cùng doanh nghiệp trong việc chia sẻ kinh nghiệm, cùng nhau tháo gỡ những vướng mắc mà CPTPP mang lại.

3.3. Một số kiến nghị với Chính phủ, cơ quan quản lý Nhà nước

Thứ nhất, Chính phủ cần tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân về hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng và hội nhập quốc tế nói chung. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến tình hình thực thi cam kết hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Nâng cao hiểu biết và sự đồng thuận của cả xã hội, đặc biệt là của doanh nghiệp, doanh nhân đối với các thoả thuận quốc tế, đặc biệt là cơ hội, thách thức và những yêu cầu phải đáp ứng khi tham gia và thực hiện các FTA thế hệ mới như CPTPP bằng các hình thức, nội dung tuyên truyền phù hợp và hiệu quả cho từng ngành hàng, hiệp hội, doanh nghiệp và cộng đồng. Nâng cao nhận thức và năng lực pháp lý, đặc biệt là luật pháp quốc tế, thương mại quốc tế...

Thứ hai, chủ động thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh gia nhập CPTPP. Xác định gia tăng xuất khẩu, số lượng và chất lượng thu hút đầu tư nước ngoài, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế là các tiêu chí kinh tế trực tiếp để đánh giá kết quả hội nhập quốc tế về kinh tế.

Thứ ba, khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện luật pháp trực tiếp liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với Hiến pháp, tuân thủ đầy đủ, đúng đắn các quy luật của kinh tế thị trường và các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; Nội luật hoá theo lộ trình phù hợp với những cam kết, quy định quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trước hết là luật pháp về thương mại, đầu tư, sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ... bảo đảm tranh thủ được thời cơ, thuận lợi, vượt qua các khó khăn, thách thức từ việc tham gia và thực hiện các FTA thế hệ mới.

Thứ tư, tập trung khai thác hiệu quả các cam kết quốc tế, xây dựng các cơ chế, chính sách phòng vệ thương mại, phòng ngừa và giải quyết tranh chấp quốc tế; có chính sách phù hợp hỗ trợ các lĩnh vực có năng lực cạnh tranh thấp vươn lên; Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ, trình độ pháp luật quốc tế, xây dựng hàng rào kỹ thuật, biện pháp phòng vệ chủ động phù hợp.

Thứ năm, tăng cường nghiên cứu các vấn đề về hội nhập kinh tế quốc tế, làm cơ sở tham mưu cho Ban chỉ đạo liên ngành và Chính phủ. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế và các ban chỉ đạo liên ngành về hội nhập kinh tế quốc tế, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực chính trị - quốc phòng - an ninh, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hoá - xã hội, giáo dục, khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác nhằm tạo sức mạnh tổng hợp của quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ sáu, phát huy vị thế quốc tế để hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia khi triển khai các FTA thế hệ mới. Phát huy uy tín và vị thế quốc tế để tạo môi trường thuận lợi cho phát triển, giữ vững độc lập, chủ quyền trong quá trình hội nhập. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa ngoại giao nhà nước, đối ngoại Đảng và đối ngoại nhân dân trong quá trình hội nhập để phát huy tốt vai trò và thế mạnh của kênh đối ngoại...

PHẦN III: KẾT LUẬN

1. Kết luận

Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) là một hiệp định lớn nhất và có tiêu chuẩn cao nhất từ trước đến nay của Việt Nam. Hiện Hiệp định đã thực thi song theo các chuyên gia, đến nay việc thực hiện vẫn còn khá chậm chạp. Bên cạnh những doanh nghiệp đã tận dụng được những cơ hội đầu tiên từ CPTPP, vẫn còn rất nhiều doanh nghiệp đang nhìn “cánh cửa” mở ra và nhưng chưa biết cách nào để bước vào. Thậm chí còn có doanh nghiệp chưa lưu tâm vào “cánh cửa” này.

Trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế, hầu như chưa có cuộc khảo sát nào về nhận thức của doanh nghiệp về hiệp định CPTPP, do đó, nghiên cứu này đã góp phần khẳng định và mở rộng thêm các nhận định có cơ sở khoa học về nhận thức hội nhập của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên địa bàn. Nghiên cứu này cùng với các nghiên cứu khác chắc chắn mang lại ý nghĩa thiết thực nhằm cảnh báo, thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam nỗ lực tăng cường nội lực và đồng thời, mang ý nghĩa khuyến nghị các cơ quan hữu quan của Nhà nước, các nhà hoạch định chính sách khẩn trương hoàn thiện hành lang pháp lý và tiếp tục cải thiện bộ máy hành chính nhằm giúp doanh nghiệp tận dụng tốt các cơ hội mà CPTPP mang lại và vượt qua những rào cản đã được báo trước.

Với những giải pháp này cùng với sự chủ động của doanh nghiệp trong việc tìm hiểu thông tin, chuẩn bị cho mình một tâm thế cạnh tranh khu vực và quốc tế, có tư duy sáng tạo, đổi mới và sự nhạy bén trong kinh doanh, có kế hoạch xây dựng năng lực, đặc biệt về thương hiệu hay uy tín và chất lượng để làm ăn quy mô và dài hạn trong tương lai, tin tưởng rằng các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên địa bàn sẽ tận dụng tốt các cơ hội mà Hiệp định CPTPP mang lại để tiếp tục phát triển bền vững trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hiện nay.

Tuy nhiên, do hiệp định CPTPP vừa mới có hiệu lực nên còn khá mới mẻ nên bên cạnh những đóng góp về lý thuyết và thực tiễn, đề tài cũng có những hạn chế nhất định như: chưa phân tích sâu rộng các cơ hội và thách thức mà CPTPP mang lại cho các doanh nghiệp trên địa bàn, các doanh nghiệp hầu như không quan tâm nhiều đến CPTPP nên có thể không hiểu hết được một số nội dung khảo sát.

2. Hướng phát triển của đề tài

- Mở rộng đối tượng điều tra cho tất cả các doanh nghiệp trên địa bàn.
- Sử dụng thêm các phương pháp định lượng để có thể đánh giá chính xác nhận thức của các doanh nghiệp về cơ hội và thách thức sau khi gia nhập CPTPP.

Tr
ng
i h C Kinh t Hu

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Bá Hùng Anh và Tô Ngọc Hoàng Kim (2017), “*Nghiên cứu khoa học trong kinh tế - xã hội*”
2. Phương Anh (2018), Tham gia CPTPP: Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam.
3. Gabriel Baffour Awuah, Mohamed Amal (2018), “*Impact of globalization: the ability of less developed countries’ (LDCs) firms to cope with opportunities and challenges*”
4. Nguyễn Thế Bình (2015), “*30 năm hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam: Thành tựu, thách thức và những bài học*”
5. CPTPP và tác động của nó đến xuất nhập khẩu, Tạp chí Cộng sản (tháng 4/2018); Ngân hàng Bưu điện Việt Nam, Đánh giá những tác động của CPTTP đến một số ngành kinh tế của Việt Nam (tháng 4/2018).

6. Nguyễn Mạnh Hùng (2019), Cơ hội và thách thức với Việt Nam sau khi Hiệp định CPTPP có hiệu lực, Trường Chính trị Nguyễn Văn Linh tỉnh Hưng Yên.
7. Nguyễn Hường - Nhật Quang (2018), 2018 là năm bản lề cho hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, Báo Công Thương;
8. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Trang điện tử Bộ Công Thương - moit.gov.vn;
9. Hiệp định CPTTP: Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam – Tạp chí Tài chính (tapchitaichinh.vn) tháng 3/2018;

10. Trần Du Lịch (2018), “*Sơ với TPP, Việt Nam tham gia CPTPP còn tốt hơn nhiều*”
- Nilmini Nickramansingle and Sushil K. Sharma (2011), “*Key factors that hinder SMES in succeeding in today’s knowledge-based economy*”
11. Lan Phương - Rachelle Komarnisky (Công ty Luật TNHH Baker & McKenzie (Việt Nam)) “*CPTPP và lợi ích ngay lập tức của doanh nghiệp Việt*”
12. Công thông tin điện tử Bộ Tài chính (2016), Quan điểm, chủ trương của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế qua các kỳ Đại hội;
13. Trường Doanh nhân PACE (2015), Nhận thức hội nhập kinh tế quốc tế của Doanh nghiệp Việt Nam”.

14. Giản Tư Trung và các tác giả (2015), “*Nhận thức hội nhập kinh tế quốc tế của doanh nghiệp Việt Nam*”

15. Một số trang web: mof.gov.vn, hoinhapkinhte.gov.vn, tapchitaichinh.vn, congthuong.vn,...

Tr
ng
i h C Kinh t Hu

PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1

Mã số:

PHIẾU KHẢO SÁT

Xin chào Ông/Bà, tôi là Trần Thị Khánh Trâm, hiện đang công tác tại trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế. Tôi đang thực hiện nghiên cứu: **“Đánh giá nhận thức của doanh nghiệp ở tỉnh Thừa Thiên Huế về cơ hội và thách thức sau khi gia nhập CPTPP”**. Rất mong ông/bà dành chút thời gian để điền thông tin vào Phiếu khảo sát. Tôi xin cam kết tất cả thông tin trong bảng câu hỏi sẽ được bảo mật tuyệt đối, số liệu thu thập được từ cuộc điều tra hoàn toàn không có mục đích kinh doanh hay thương mại mà chỉ được sử dụng nhằm phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học. Đề tài không phân tích, đánh giá riêng từng doanh nghiệp và cũng không công bố thông tin về bất cứ doanh nghiệp nào. Sự ủng hộ và đóng góp ý kiến của ông/bà vào khảo sát này là vô cùng có giá trị cho công tác nghiên cứu của tôi. Xin chân thành cảm ơn!

I. Thông tin chung

1. Giới tính

- Nam Nữ

2. Độ tuổi

- 18 - 25 26 - 35 36-45
 46-55 Trên 55

3. Chức danh

- Tổng giám đốc, chủ tịch Giám đốc, phó giám đốc
 Trưởng, phó phòng Cán bộ, nhân viên khác

4. Loại hình doanh nghiệp Ông/Bà đang làm việc

- Nhà nước Tư nhân
 Có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) Công ty cổ phần
 Công ty TNHH Loại hình khác

5. Ngành nghề của doanh nghiệp

- Công nghiệp và xây dựng Dịch vụ, thương mại

Nông nghiệp (Nông - Lâm - Ngư nghiệp)

6. Quy mô doanh nghiệp

Dưới 100 lao động

100 – 200 lao động

201 – 500 lao động

Trên 500 lao động

7. Hiểu biết của Ông/Bà về CPTPP?

Chưa biết đến (Xin đừng khảo sát tại đây. Cảm ơn sự hợp tác của Ông/Bà!)

Có biết nhưng hầu như không quan tâm (Xin vui lòng trả lời tiếp!)

Có biết và quan tâm (Xin vui lòng trả lời tiếp!)

8. Ông/Bà biết đến CPTPP qua kênh thông tin nào (có thể chọn nhiều phương án)

Phương tiện thông tin đại chúng (xem tivi, nghe đài, đọc báo...)

Đối tác kinh doanh

Định hướng từ nhà nước

Hiệp hội nghề nghiệp

Người thân, bạn bè

Nguồn khác

9. Nhận định của Ông/Bà về các yếu tố thúc đẩy nhận thức của doanh nghiệp về CPTPP (có thể chọn nhiều phương án)

Các phương tiện thông tin đại chúng (tivi, đài, báo...) có vai trò quan trọng đến nhận thức về CPTPP của doanh nghiệp

Định hướng của Nhà nước tác động đến nhận thức của doanh nghiệp

Giáo dục (nhà trường, cơ sở đào tạo) cần định hướng đúng và đủ về hội nhập kinh tế quốc tế nói chung và CPTPP nói riêng

Tầm nhìn của các doanh nhân về gia nhập CPTPP

Tăng cường các hiệp hội kinh doanh tự lập để thúc đẩy nhận thức về gia nhập CPTPP

Ý kiến khác

II. Hiểu biết, nhận thức của doanh nghiệp về cơ hội và thách thức khi gia nhập CPTPP

1. CPTPP chính thức có hiệu lực ở Việt Nam vào năm nào

- 2016
- 2018
- 2019
- 2020

2. Hiệp định CPTPP hiện nay chưa có thành viên nào

- Mỹ
- Canada
- Nhật Bản
- New Zealand

3. Theo ông/bà các mục tiêu của CPTPP là: (có thể chọn nhiều phương án)

- Tăng cường các quy định liên quan đến đầu tư nước ngoài
- Mở rộng thị trường hàng hóa và dịch vụ, đặc biệt dịch vụ tài chính với các thành viên CPTPP hiện tại và tương lai
- Siết chặt các yêu cầu về vệ sinh dịch tễ và rào cản kỹ thuật
- Cắt giảm hoàn toàn thuế quan xuất nhập khẩu giữa các nước thành viên
- Tăng cường mức độ bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ cao hơn so với mức trong WTO
- Các quy định đảm bảo quyền lợi người lao động
- Nắm bắt cơ hội khai thác chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu

4. Doanh nghiệp quan tâm mục tiêu nào của CPTPP: (có thể chọn nhiều phương án)

- Cắt giảm thuế quan xuất nhập khẩu
- Mở cửa các lĩnh vực
- Quyền sở hữu trí tuệ
- Cơ hội đầu tư
- Các chính sách bảo vệ người lao động
- Mục tiêu khác
- Không biết

5. Theo ông/bà lợi ích khi gia nhập CPTPP là: (có thể chọn nhiều phương án)

- Mở rộng thị trường xuất nhập khẩu
- Mang lại nhiều cơ hội hợp tác, kinh doanh
- Tạo động lực để doanh nghiệp thay đổi nhằm phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế
- Ưu đãi về thuế, thay đổi luật lệ
- Giúp doanh nghiệp học hỏi, trau dồi kiến thức mới

- Nâng cao chất lượng sản phẩm
- Ý kiến khác

6. Theo ông/bà thiệt hại khi gia nhập CPTPP là: (có thể chọn nhiều phương án)

- Mất thị phần, thị trường khách hàng
- Mất sự bảo hộ
- Cạnh tranh khốc liệt hơn
- Bị phá sản, sáp nhập, doanh nghiệp nhỏ gặp khó khăn
- Mất nguồn lao động có chất lượng
- Các rào cản về kỹ thuật, vệ sinh dịch tễ
- Ý kiến khác

7. Mức độ chuẩn bị của doanh nghiệp cho việc hội nhập CPTPP

- Chưa chuẩn bị gì
- Chuẩn bị một ít
- Chuẩn bị bình thường
- Chuẩn bị khá nhiều
- Chuẩn bị rất đầy đủ

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ông/bà!

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ XỬ LÝ SỐ LIỆU

Hiểu biết về CPTPP

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Chưa biết đến	8	9.9	9.9	9.9
	Có biết nhưng hầu như không quan tâm	31	38.3	38.3	48.1
	Có biết và quan tâm	42	51.9	51.9	100.0
	Total	81	100.0	100.0	

\$Cau1.8 Frequencies

		Responses		Percent of Cases
		N	Percent	
\$Cau1.8 ^a	Phương tiện thông tin đại chúng (Internet, tivi, báo, đài...)	71	35.5%	97.3%
	Đối tác kinh doanh	29	14.5%	39.7%
	Định hướng từ nhà nước	35	17.5%	47.9%
	Hiệp hội nghề nghiệp	46	23.0%	63.0%
	Người thân/bạn bè	18	9.0%	24.7%
	Nguồn khác	1	0.5%	1.4%
	Total	200	100.0%	274.0%

a. Group

\$Cau1.9 Frequencies

	Responses		Percent of Cases
	N	Percent	
\$Cau1.9 ^a Các phương tiện thông tin đại chúng có vai trò quan trọng	69	21.9%	94.5%
Định hướng của nhà nước tác động đến nhận thức của DN	68	21.6%	93.2%
Giáo dục (nhà trường, cơ sở đào tạo) cần định hướng đúng và đủ về hội nhập	46	14.6%	63.0%
Tầm nhìn của doanh nhân về gia nhập CPTPP	63	20.0%	86.3%
Tăng cường các hiệp hội kinh doanh tự lập để thúc đẩy nhận thức	63	20.0%	86.3%
Ý kiến khác	6	1.9%	8.2%
Total	315	100.0%	431.5%

a. Group

Mức độ chuẩn bị

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Chưa chuẩn bị gì	11	13.6	15.1	15.1
	Chuẩn bị một ít	26	32.1	35.6	50.7
	Chuẩn bị bình thường	21	25.9	28.8	79.5
	Chuẩn bị khá nhiều	14	17.3	19.2	98.6
	Chuẩn bị rất đầy đủ	1	1.2	1.4	100.0
	Total	73	90.1	100.0	
Missing	System	8	9.9		
Total		81	100.0		

\$Cau3muctieu Frequencies

	Responses		Percent of Cases
	N	Percent	
\$Cau3muctieu ^a Tăng cường các quy định liên quan đến đầu tư nước ngoài	48	16.1%	65.8%

Mở rộng thị trường hàng hóa và dịch vụ, đặc biệt dịch vụ tài chính với các thành viên CPTPP hiện tại và tương lai	62	20.7%	84.9%
Siết chặt các yêu cầu về vệ sinh dịch tễ và rào cản kỹ thuật	36	12.0%	49.3%
Cắt giảm hoàn toàn thuế quan xuất nhập khẩu giữa các nước thành viên	68	22.7%	93.2%
Tăng cường mức độ bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ cao hơn so với mức trong WTO	30	10.0%	41.1%
Các quy định đảm quyền lợi người lao động	26	8.7%	35.6%
Nắm bắt cơ hội khai thác chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu	29	9.7%	39.7%
Total	299	100.0%	409.6%

a. Group

\$Cau4loiich Frequencies

		Responses		Percent of Cases
		N	Percent	
\$Cau4loiich ^a	Mở rộng thị trường xuất nhập khẩu	59	16.5%	80.8%
	Mang lại nhiều cơ hội hợp tác, kinh doanh	59	16.5%	80.8%
	Tạo động lực để thay đổi nhằm phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế	60	16.8%	82.2%
	Ưu đãi về thuế, thay đổi luật lệ	70	19.6%	95.9%
	Giúp doanh nghiệp học hỏi, trao đổi kiến thức mới	42	11.8%	57.5%
	Nâng cao chất lượng sản phẩm	35	9.8%	47.9%
	Thu hút thêm nguồn vốn, công nghệ	27	7.6%	37.0%
	Ý kiến khác	5	1.4%	6.8%

Total	357	100.0%	489.0%
-------	-----	--------	--------

a. Group

\$Cau5thiethai Frequencies

		Responses		Percent of Cases
		N	Percent	
\$Cau5thiethai ^a	Mất thị phần, thị trường khách hàng	62	19.6%	84.9%
	Mất sự bảo hộ	50	15.8%	68.5%
	Cạnh tranh khốc liệt hơn	69	21.8%	94.5%
	Bị phá sản, sáp nhập, doanh nghiệp nhỏ gặp khó khăn	51	16.1%	69.9%
	Mất nguồn lao động có chất lượng	43	13.6%	58.9%
	Các rủi ro về rào cản kỹ thuật, bất ổn an ninh...	38	12.0%	52.1%
	Ý kiến khác	4	1.3%	5.5%
Total		317	100.0%	434.2%

a. Group